

Năm thứ ba — số 33

1<sup>er</sup> Mars 1934

# VĂN-HỌC

TẠP CHÍ

NOT LEGAL  
CHINOISE

A.30/2



Chủ - bút : Dương - Bá - Trạc — Chủ - nhiệm : Dương - Tự - Quán

TÒA BÁO  
193, Phố hàng Bông, 193  
HANOI

Giá bán : một năm : 3\$00 — nửa năm : 1\$70 — mỗi số 0\$15



# VAN HOC TAP CHI

## MUC LUC

|                                                                                                      |     |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 1 — Cái quan-niệm về sự biên dịch                                                                    | 269 |
| 2. — Một trang Nam-sử nên đọc : <i>Cụ Phan-Thanh-<br/>Giản và việc cụ sang sứ nước Pháp năm 1863</i> | 272 |
| 3 — Mảnh thư tâm sự                                                                                  | 280 |
| 4 — Nét mực xưa: Các nơi thắng cảnh tỉnh Quảng Ngãi                                                  | 286 |
| 5 — Thi thoại                                                                                        | 290 |
| 6 — Người . . . và . . . văn                                                                         | 296 |
| 7 — Văn thơ                                                                                          | 299 |
| 8 — Trong túp nhà gianh (đoản-thiên tiểu-thuyết)                                                     | 305 |
| 9 — Vườn văn : <i>Cỏ hàng hoa</i>                                                                    | 308 |
| 10 — Hoa lư kết nghĩa (lịch-sử tiểu-thuyết)                                                          | 311 |
| 11 — Giới thiệu sách, báo                                                                            | 315 |
| 12 — Dịch Hán-văn : <i>Qui khứ lai từ</i>                                                            | 317 |
| 13 — Tin tức trong làng văn                                                                          | 318 |
| 14 — Tin tức thế giới và việc trong nước                                                             | 320 |

## Ai cần kiêm Đại-lý trong Nam ?

Hiệu **THANH THANH** mới mở ở vào ba căn phố  
lầu góc hai con đường lớn Saigon, N° 38 Rue Pellerin  
và N°s 118 & 120 Boulevard de la Somme.

### Bán và làm Đại lý

a) Đủ các thứ văn phòng và học liệu ; Báo, chí và sách  
vở bằng chữ Pháp văn và Quốc văn có giá trị.

b) Đủ các thứ giao, nhung, kỳ, quế, cao, đơn, hườn, tán,  
và các thứ dầu có danh tiếng

c) Các thứ tơ lụa do người mình chế tạo và hết thảy  
các thứ hàng nội hóa khác.

Thư điểm, được phòng, và các nhà công nghệ  
trong nước, nếu muốn cho hàng các ngài tiêu thụ  
trong Nam xin viết thư cho :

Monsieur HỒ HỮU NHÃ

Chủ nhân hiệu **THANH THANH**

118 và 120 Boulevard de la Somme.

— SAIGON —

Nên đặc biệt chú ý là hiệu **THANH THANH** không những  
xài số tiền lớn làm quảng cáo trong các báo chí ba kỳ, mà  
lại còn phái 3 người *Commis Voyageurs* đi khắp lục tỉnh để  
cổ động những món hàng mà hiệu ấy nhận làm Đại lý

Nên đọc quyển **BÈ - TRẦN CHÌM NỒI**. Giá 0\$12 — Cước 0\$03  
Gửi bằng timbres-postes cho Đông-Tây ấn quán, 193, phố hàng Bông—Hanoi





## VAN - HOC TAP - CHI

Báo mỗi tháng xuất - bản hai kỳ vào ngày 1<sup>er</sup> và 15

### CÁI QUAN-NIÊM VỀ SỰ BIÊN-DỊCH

**M**ột ông giáo sư có tiếng trong Nam, trong giờ dạy Quốc-văn, có buông lời này với học trò : « Các báo quốc âm ta, suốt từ Nam ra Bắc, đều viết nhờ viết mượn cả, hay ho gì ! » Ông giáo-sư đó vì ôm cái lòng tự trọng quá cao, nên không công nhận sự viết nhờ viết mượn. Thành thử ông suy luận theo cái lòng quá tự trọng của ông, không kịp chú ý đến cái không nên viết nhờ viết mượn với cái nên viết nhờ viết mượn.

Báo chí là một cơ quan để phổ thông trí thức, bởi bỏ tình thần, không phải là một món hàng để thủ lợi. Thì những bài báo dịch đăng ra phải có cái ý nghĩa như vậy mới đáng chớ. Nhưng khốn nỗi ! có nhiều tờ báo lại lợi dụng cái tính hiếu kỳ của độc-giả, lợi dụng một cách tối tân, mà không chút nào nghĩ đến điều tai hại về sau. Ai cần dịch làm chi những bài : Chicago là ổ ăn cướp — Con quỷ dâm dục bên Đức — Đảng bí mật Klu-Klux-Klan — và biết bao nhiêu chuyện dâm đẳng



hoang đàng. Những bài dịch như vậy đã có ảnh hưởng khốc hại đến cái bản tính thiên nhiên của mấy chục triệu dân vô tội này rồi, thời ta nên chỉ ngay vào đám dịch-giả cuồng tâm ấy rằng những bài của họ chỉ làm nên danh dự cho gió rác mà thôi. Ấy cái không nên viết nhờ viết mượn là thế.

Cũng thời viết nhờ viết mượn, mà nước Tàu, nước Nhật, là hai nước cùng với ta chung chịu một văn hóa ngàn năm, lại biết cạy vào sự viết nhờ viết mượn mà tiến hóa về đường trí thức tinh thần rất cao, không kém gì các nước tân tiến.

Lấy đó mà suy, sự viết nhờ viết mượn có lúc trở nên một cái lợi khí tối cần để khai thông dân trí, chớ không phải là điều đáng hổ cho một dân tộc còn ở vào cái địa vị thấp hèn, như ông giáo-sư trên kia lầm tưởng.

Trên mấy mươi năm về trước, các học-giả của ta, cũng như các học giả bên Tàu trước hồi Dân-quốc, chỉ bo bo bảo tồn cái học cổ hũu của mình, cầm là cái kiểu mẫu đích đáng cho muôn đời, không biết quan-tâm và không chịu quan tâm đến cái học nào khác với cái học cổ hũu đó. Mê man với cái học đại-cổ ấy, cái học không còn hợp thời bởi những điều kiện sinh hoạt mới.

Thời thế đã đổi mới, thì người cũng phải đổi mới. Lúc bấy giờ người trong nước đều đua nhau theo Tây học, thường lấy cái khẩu-hiệu « không theo Tây thì chết » mà cổ-lệ cho cái phong trào Tây-học. Một cái đặc-điểm hơn hết là có biết bao nhiêu người bằng vượt trùng dương, đem thân đến xứ người mà cầu học, mà tiếp xúc với cái văn-khố phong phú rực-rỡ của Tây - phương. Quốc dân hi vọng, nước nhà hi vọng, là hi vọng vào cái học của họ tiếp thu ở nước ngoài đem về truyền bá ở dân gian. Mà muốn cho kết quả đúng với ý muốn của mọi người, thời phải tây học phải trông mong vào sự viết nhờ viết mượn. Bằng không



họ biết cây vào đâu mà làm xong cái chức-vụ của một tân-nhân-vật sinh-trưởng ở một nước cũ ?

Chẳng riêng phái Tây-học phải viết nhờ viết mượn, phái Nho-học cũng thế. Nho-học là cái nền tảng lâu đời của quốc-gia xã-hội, bây giờ lại trải qua lúc suy-vi đời bại, vận mạng như cây cỏ-thụ sắp ngã giữa hồi mưa tơn gió dậy bốn bề. Muốn vữa hồi đạo học cỏ của thách hiền cho nó theo về với phong hội mới, phái nhà nho cũng tìm đặng phương châm mới ; họ mượn quốc văn mà phiên dịch những sách vở kiệt tác trong văn khố của Đông-nho, đồng thời lại lấy báo chí làm một cái chìa khóa đưa quần chúng vào đấy cho thấy cái cảnh tượng cũng phong phú rục rở không kém gì của Tây-nho.

Bởi các lẽ trên đây, tôi cho rằng văn-khố ta còn khiếm khuyết, ta còn phải phiên dịch ra Quốc-văn biết bao nhiêu sách vở của Đông-Tây đặng làm cho văn khố của ta thêm phong phú rục-rở. Nhưng trong sự phiên dịch, trong sự viết nhờ viết mượn, lại cần phải có một cái quan-niệm sáng suốt, một cái tôn chỉ chân chính.

Lẽ đó, xin đề các dịch-giả nghiệm xét.

TRƯƠNG LẬP-TẠO





## Cụ Phan-thanh-Giản và việc cụ sang sứ nước Pháp năm 1863

(Tiếp theo số trước)

Năm 1863, cụ được lệnh triệu về Huế để sung chức Chánh-Sứ sang Pháp. Từ khi ký tờ hòa-ước năm 1862, vua nước Nam đã có ý sai sứ sang Pháp. Ngày 16 tháng 6 năm 1863, tờ hòa-ước ấy được chuẩn-nhận ở Huế, thì hôm sau quan Hải-quân thiếu-tướng Bonard thảo tờ trình về quan Thượng-thư bộ Hải-quân trong đó nói: « Triều đình Huế đã nhiều lần tỏ ý muốn phái một sứ-bộ sang Pháp; vì vua nước Nam chưa kịp gửi sang Nã-phá-Luân Hoàng đế các phẩm-vật sùng đáng, nên định phái một sứ-bộ sang Pháp-dinh để làm trọn việc ấy ».

Thực ra thì mục-dịch của cuộc đi sứ ấy là tìm cách chuộc lại ba tỉnh phía đông Nam-kỳ mà vua nước Nam đã nhượng cho nước Pháp theo hòa-ước năm 1862, mục-dịch ấy tuy không nói rõ ra, nhưng hiển-nhiên là thế.

Đứng đầu sứ-bộ là cụ Phan-thanh Giản, tiến-sĩ, hiệp biện đại học-sĩ, lễ-bộ thượng-thư, sung Cơ-mật viện, làm Chánh-sứ; giúp việc cụ thì có ông Phạm-phú-Thứ, tiến-sĩ, lại-bộ tả tham-tri, làm đệ nhị sứ-thần, và ông Nguy-khắc-Đản, tiến-sĩ, án-sát tỉnh Quảng-nam làm phó sứ.

Trong thuộc-viên của sứ bộ, có hai người Nam-kỳ đã nổi tiếng là ông Trương-vĩnh-Ký và ông Tôn-thọ-Tường làm chức thông-ngôn, nhưng ít khi cần đến hai ông vì sang đến đất Pháp thì chánh-phủ đã cử ông Aubaret làm thông ngôn. Sứ-bộ đi chiếc tàu chiến tên là « l'Européen » của chánh-phủ Pháp để cho dùng, mà



chính cụ Phan-thanh-Giản xin như vậy, vì theo ý cụ sứ-bộ rất đông người mà đi chiếc tàu thường thì không được tiện. Ở Saigon khởi-bành ngày mồng 4 tháng 7 năm 1863 lúc 9 giờ sáng. Ta không cần phải nói dài dòng về các tiểu-tiết của cuộc hành-trình từ Saigon sang Pháp mà mọi người đều biết. Vậy ta bỏ các độ đường ấy đi. Chỉ có một việc đáng nói, không phải vì nó quan-trọng, nhưng vì nó buồn cười. Khi gần đến Suez, viên đại-biểu chánh-phủ Pháp đi kèm sứ-bộ đến báo với viên Chánh-sứ rằng vì cuộc hành-trình của sứ-bộ người ta đã biết, nên các thành phố từ Suez tới châu Âu sẽ bắn súng đại-bác để chào mừng, vậy phải kéo cờ của sứ-bộ để đáp lễ lại. Bấy giờ tàu gần đến Suez, vậy phải sửa soạn đáp lại hồi súng chào của vua nước Ai-Cập. Ta đừng tưởng rằng tin ấy làm cho các nhân viên trong sứ-bộ mừng đâu. Không! Chính các ông ấy rất đổi buồn rầu, chẳng khác gì được tin Nã phá-Luận Hoàng đế định không tiếp các ông ấy vậy. Không phải rằng các ông ấy muốn từ chối sự tỏ lòng trọng-vọng của vua Ai-Cập đối với vua nước Nam, nhưng vì rằng dù trước khi đi đã sửa soạn rất kỹ-lưỡng, thế mà không ai nghĩ tới may một lá cờ cho sứ-bộ. Biết làm thế nào? . . . Nhưng nhờ sự ngẫu-nhiên, các ông ấy khỏi lúng túng, vì cụ Phan-thanh Giản lục trong hòm thấy ngay một lá cờ An-nam. Mọi người sắp sửa reo mừng thì viên đại biểu Pháp, sau khi xem xét lá cờ, nói rằng vì lá cờ ấy không có dấu hiệu gì, người ta trông xa có thể lẫn với cờ Ai-Cập được, câu nói ấy làm cho ai nấy lại rầu lòng.

Nhưng nếu chỉ có thế cũng không ngại gì! Đêm hôm ấy, một nhân viên trong sứ-bộ sẽ thức để thêu ba chữ Đại-Nam quốc trên lá cờ. Định sao làm vậy, rồi hôm sau đương khi tiếng súng đại-bác kêu vang lừng ở bờ biển nước Ai-Cập, thì lá cờ của sứ-bộ nước Nam cũng bay phấp phới ở trên ngọn cột buồm lớn



của chiếc tàu Pháp. Danh-dự nhờ thế được bảo toàn, mà tình thân-thiện của nước Ai-Cập với nước Nam cũng vì thế mà không mất. Vài hôm sau, sứ-bộ từ-giã thành phố Suez (kênh Suez mãi đến năm 1869 mới đào xong), đi xe lửa đến Caire, rồi đến Alexandrie, xuống một chiếc tàu khác tên là *Le Labrador* của chính phủ Pháp sai đi đón đê chở đến Toulon. Trong khi ở Ai - Cập, sứ - thần nước ta được vua Ai - Cập trọng đãi lắm.

Rồi các ông ấy tới Toulon, rồi tới Marseille, rồi tới Paris ngày 13 tháng 9 năm 1863. Thành phố Paris tiếp đãi các ông ấy vừa chịnh trọng vừa sốt sắng. Nhưng các giấy ủy-nhiệm chưa thể trình ngay được, vì người ta báo cho các ông biết rằng Hoàng-đế Pháp bấy giờ đi vắng không ở Paris.

Đến khi Hoàng-đế về thì Hoàng-hậu lại đi vắng vì Ngài đã sang thăm quốc-mẫu ở bên nước Ý-pha-Nho. Vậy phải đợi Hoàng-hậu về, vì Pháp-hoàng muốn cùng với Hoàng-hậu tiếp sứ-bộ nước Nam cho buổi bệ kiến được chịnh-trọng hơn. Thực ra thì đó chỉ là một cơ thuộc về ngoại giao. Sở dĩ việc tiếp sứ ta chậm lại như vậy là vì các quan trong bộ Thủy-quân còn đương thảo luận về các điều kiện của chánh-phủ nước Nam đã xướng lên về việc chuộc lại ba tỉnh phía Đông và chưa đồng ý nhau về câu trả lời lại nên thế nào. Các sứ-thần Annam nhân dịp ấy đi thăm thành phố Paris và các vùng lân-cận. Vả chẳng các ông ấy được chánh-phủ và các quan trong các bộ tiếp đãi tử tế và trọng vọng lắm. Người ta tranh nhau tiếp rước và đãi tiệc linh đình, rồi nhân dịp ấy, giới-thiệu các ông ấy với các nhà ngoại-giao ngoại-quốc đương có mặt ở bên Pháp. Các ông ấy vào nghe các kỳ hội-đồng ở Thượng-Hạ nghị-viện. Những lúc rảnh, đi thăm thành-phố Paris, cung *Le Louvre*, cung *les Tuileries*, rừng *Vincennes*, v. v. ; lại đến thăm cả cung *Versailles*, và cung *Tranon* nữa.



Thật là một thế-giới mới mở ra trước mắt các ông ấy. Thành *Paris*, tức là gồm cả các cảnh lạ lùng đẹp đẽ của cái văn minh Thái-Tây. Đối với cụ Phan-thanh-Giản vốn có bụng hâm-mộ nước Pháp, thật là một dịp tốt được biết các điều mới lạ thiết-thực về văn-hóa Âu-Tây để tăng trí-thức của mình. Mà thực cụ đã không bỏ phí dịp ấy; cái gì cụ cũng chú ý đến, thứ nhất là máy móc; cái gì cụ cũng ghi chép, từ cuộc đi thăm nhà máy làm giấy đến cuộc xem hội thả khí cầu. Các điều ghi chép ấy cứ theo từng ngày mà lục vào một đạo sớ do ông Phạm-phú-Thứ thảo và cụ duyệt lại để đệ lên vua Tự-Đức ngự-lãm sau khi sứ bộ về Huế. (Một bản dịch ra Pháp-văn của đạo sớ ấy đã đăng ở tập tùng-biên của Hội Đồ-thành hiếu-cổ (*Bulletin des Amis du vieux Hué*) năm 1919 và năm 1921, số 4, tháng Octobre-Décembre).

Khi vua Tự-Đức hỏi cụ về cái cảm-tưởng đối với nước Pháp, cụ trả lời câu này thật là tóm được mỗi cảm-phục của cụ :

*Bá ban xảo kế tề thiên địa,  
Duy hữu tử sanh tạo-hóa quyền.*

(khắp các mặt, mưu khéo sánh bằng trời đất, chỉ có sự sống sự chết là nhường quyền cho tạo-hóa).

Nhưng cái gì cũng có lúc kết-liệu. Sứ bộ Annam ở *Paris* đã gần được hai tháng rồi: cũng phải nghĩ đến việc vào bệ kiến.

Ngày mồng 1 tháng một năm 1863, quan Lễ bộ thượng-thư chính-thức báo tin cho quan chánh-sứ biết rằng buổi bệ-kiến ấn định vào ngày mồng 5 tháng một...

Sáng ngày mồng 5, bộ Lễ cho hai chiếc xe đến khách-sạn nhận các phẩm vật dâng lên Pháp Hoàng. Một giờ chiều, bắt đầu lễ bệ kiến trọng thể...

Ba hôm sau, ngày mồng 8 tháng một năm 1863, sau khi đã nhận một bộ đồ sứ của vua nước Pháp tặng



vua nước Nam, sứ bộ từ già Hầu-tước *Chasseloup-Laubat* là thượng-thư bộ thủy-quân và thuộc địa Pháp để đi sang bên nước Y-pha-Nho.

Rồi thì sứ-bộ về nước Nam. Cuộc đi sứ ấy không có kết-quả về đường chính-trị. Về việc chuộc lại ba tỉnh phía Đông, tức là Biên-hòa, Gia-định và Định-tường, thì khi sứ bộ còn ở *Paris*, chánh-phủ Pháp không hề trả lời rõ ràng. Vài tháng sau khi sứ bộ về đến Huế, chánh-phủ Pháp trả lời khước hãn việc ấy, vì rằng tuy Pháp-Hoàng có ý bằng lòng, nhưng quan thượng-thư bộ thủy-quân và thuộc-địa có ý phản đối mà kết cục thì quan thượng-thư đắc thắng.

Tuy vậy, cuộc đi sứ ấy không phải là vô ích, vì rằng các quan đi sứ thứ nhất là cụ Phan thanh Giản đã được mục-kích sức mạnh của nước Pháp về đường chính-trị, kinh tế và binh-bị, cùng các sự lạ lùng của văn-minh Âu-Tây.

Từ bấy giờ giờ đi cho đến lúc chết, trong trí cụ Phan-thanh-Giản chỉ có một ý tưởng là khuyên giục người An-nam theo các khoa học Thái-tây. Nhưng than ôi ! Triều-đình chỉ một mực kiên cặng, không chịu nghe lời kêu xin của cụ.

Còn các quan đồng liêu với cụ thì chỉ mê mết vào rượu, thơ, sắc đẹp, sống trong cảnh giàu sang biếng nhác, mất cả trí phán đoán hiểu biết, họ chế nhạo cụ. Họ xấu bụng đến dèm pha với nhà vua rằng cụ ăn tiền của chánh-phủ Pháp mà không chịu hết sức về việc chuộc lại ba tỉnh và nói quá cái sức mạnh của nước Pháp để làm cho nhà vua phải sợ !

Từ bấy giờ giờ đi, người ta không muốn để cụ ở Huế nữa, chỉ đợi dịp để «tống» cụ đi xa. Không bao lâu thì dịp ấy đến. Quan tổng đốc tỉnh Vĩnh Long vừa gửi một đạo sớ đề tâu với nhà vua về tình hình ba tỉnh Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên. Bấy giờ là năm 1865.



Theo ý nhà vua, những tỉnh ấy ở nơi biên thùy, phải phải người nào dân có lòng tin mới giữ được. Hai ông quan trong triều là Đoàn-Thọ và Trần-tiến-Thành đề cử cụ Phan-thanh Giản ; vua bổ cụ làm kinh - lược sứ, cụ phải tuân mệnh.

Bấy giờ triều đình Huế lại được tự do hành động, nghĩa là đối với nước Pháp dùng một chánh sách thù hiềm trái với điều ước của hai nước đã ký. Bởi vậy quan Hải-quân Thiếu-tướng *de Lagrandière* muốn được yên, nhất định lấy ba tỉnh phía tây, và sau khi gửi tối hậu thư cho cụ Phan thanh-Giản, kéo quân đến vây thành Vĩnh-Long. Cụ biết rằng chống lại cũng vô ích và nghĩ đến sự chết để trọn tiết, vì cụ đã là người con có hiếu cũng muốn làm kẻ bầy tôi trung.

Ông Trương văn-Uiên, tổng đốc Vĩnh-Long, và các quan tỉnh khuyên cụ chống lại với người Pháp thì cụ trả lời rằng : « Phép đánh trận, phải xét sức mình và sức bên địch và tính trước sự được thua. Tôi đã 70 tuổi, tôi cũng muốn tìm một miếng đất để gửi tấm thân già. Nếu tôi đánh nhau với quân Pháp mà tôi chết thì tên tôi càng được vẻ vang, mà nếu tôi thua thì Hoàng-thượng cũng tha thứ cho tôi. Nhưng tôi nghĩ rằng đánh nhau thì phải uổng phí biết bao mạng người và làm cho dân sự phải khổ sở, nên tôi lấy làm đau lòng. Hoàng - thượng đã giao cho tôi giữ ba tỉnh này. Nay tôi không giữ được, các ông đề cho tôi chết một mình, còn các ông cứ trở về kinh đô, bao nhiêu tội lỗi đổ cả cho tôi chịu ».

Cụ đến thăm quan thiếu tướng *de Lagrandière* đề xin ông đừng giết hại nhân dân và quân lính, rồi cụ thảo một đạo sớ gửi về nhà vua, lời lẽ hùng hồn cảm động rõ ra tâm sự một bậc trung nghĩa sắp sửa lìa cõi trần : « Một kẻ bầy tôi như hạ thần chỉ còn có một phận sự là chết đi để tránh sự hồ thẹn cho nhà vua. Nhưng Hoàng-thượng là người có lịch duyệt ; Ngài hẳn biết



phân biệt thế nào là chính trị hay, thế nào là chính trị dở. Các quan trong triều và ngoài tỉnh cũng phải đồng lòng để giúp ngài ; phải biết sợ mệnh giới ; phải biết trông cuộc tương lai và «thay dây đàn cùng bánh xe» ; như thế ngõ hầu có hy vọng. Cho đến lúc thần chết, thần thấy lưỡi thần liệt đi : thần không dám nói một lời nào nữa ; thần chỉ rỏ nước mắt mà tiếc thương ».

Rồi thì cụ nhịn đói trong mười bảy ngày, rồi cụ uống chén thuốc độc cho thoát một đời, không phải vì cụ chán về nỗi già nua tuổi tác, mà vì, như nhờ cụ Nguyễn-Du đã nói, « Những điều trông thấy mà đau đớn lòng » . . .

HẢI-LƯỢNG, dịch



### CẢI CHÍNH

Về bài này in ở số trước, trang 248, giòng thứ 20 năm 1682 xin đọc là 1862.

Cũng ở số trước, trong bài « Ai làm ra bài Tàn cung oán » ? về giòng thứ 6, câu lại không đúng cả xin đọc là : lại cũng có chỗ tôi cho hai bản đều là không đúng cả.



# DỊCH PHÁP VĂN

---

## L'ENFANCE

*L'enfant chantait; la mère au lit, exténuée  
Agonisait, beau front dans l'ombre se penchant;  
La mort au-dessus d'elle errait dans la nuée:  
Et j'écoutais ce râle, et j'entendais ce chant.  
L'enfant avait cinq ans, et près de la fenêtre  
Ses rires et ses jeux faisaient un charmant bruit;  
Et la mère, à côté de ce pauvre doux être  
Qui chantait tout le jour, toussait toute la nuit.  
La mère alla dormir sans les dalles du cloître;  
Et le petit enfant se remit à chanter.  
La douleur est un fruit; Dieu ne le fait pas croître  
Sur la branche trop faible encore pour le porter.*

**Victor Hugo**

## CON TRẺ BIẾT GÌ

*Đứa trẻ hát, mẹ đang hấp hối,  
Mẹ gần con như tối lần ngày.  
Tử - thần trước mẹ lượn bay,  
Hát kia vang tiếng rên này thoảng nghe.  
Trẻ năm tuổi ngồi kề cửa sổ,  
Mãi vui đùa cảnh rõ vui thay.  
Mẹ ho con hát nào hay,  
Xuốt đêm gặng tiếng, suốt ngày véo von.  
Nay mẹ đã xa con yên giấc,  
Con hát chơi như trước một mình.  
Quả cây là khối bi tình,  
Giờ chưa giắt quả trên cành còn non.*

**HOÀNG-OANH NƯƠNG**

---



# MÀNH THƯ TÂM SỰ



Bạn HOÀI - XUÂN,

Từ xuân năm ấy . . . cái danh hiệu Hoài-Xuân ở trong mục thi - đàn của một tờ báo nọ, tôi vẫn chôn sâu trong tâm trí. Vốn kiếp văn chương, thường hay vương nợ, đọc thơ mà yêu người; tuy chưa gặp mặt : cái tình liên cảm đã nhóm lên từ đấy. Rồi, trong những giờ cô tịch của tâm hồn, tôi thường mơ tưởng, hoài bão có ngày được thừa nhận, thì thiệt là vạn hạnh.

Nhưng hồ nghĩ đến cái cảnh mặt nước cánh bèo : đời luân lạc dễ mấy khi tao ngộ ! Chỉ là mộng tưởng ! Phải, chỉ là mộng tưởng gặp nhau trong lúc mơ màng họa chăng ? !

Giấc mộng hoài xuân tưởng chừng đã tiêu tán : hoa rụng lá rơi, giọt lệ khóc hoa đã cạn . . . Trời đất buồn . . . cảnh đời lại lặng lẽ lạnh lùng qua . . . trái tim tôi cũng lạnh lùng đập, sự mơ tưởng đành vô hy vọng !

Thế mà ai ngờ ! — Trời ơi, tôi mơ màng hay tôi tỉnh thức ? — gặp bạn lại là giữa lúc tôi đương không ngờ có ấy. Trong cảnh vô liên, quê người lặn lội, gặp bạn tri âm, tưởng không nói, bạn cũng đã rõ thấu lòng tôi sung sướng đến ngần nào ! Cái giờ ấy, tôi còn nhớ lắm, là một thời kỳ có một không hai cho tôi được cảm thấy đời tôi hoàn toàn hạnh phúc, là một thời kỳ mà đời tôi thấy đầy đủ êm đềm và cũng là một thời kỳ đầy những thi vị thơm tho dạy cho tôi biết yêu cảm khát khao những cái trang nghiêm vĩ đại của đời người.

Tôi cảm ơn Thượng-Đế đã ban cho tôi một áng linh hồn tri-kỷ : hai linh hồn ta cùng chung đau, hai trái tim ta cùng chung thấm, mà cái đau cái thấm ấy



không phải là cái đau cái thảm của những phường bôn xu trục lợi.

Tuy buổi sơ giao, mà lòng đã hâm mộ nhau từ trước, nên khi thân nọ phả cầu mới thân. Ngoài rằm ba câu chuyện về thời thế, về thân danh, rồi qua đến chuyện văn chương, bạn, nhân lúc vui câu chuyện có đọc cho tôi nghe một vài bài thơ, mà không dè, tôi đã được xem năm trước, tưởng không cần phải nhắc lại đây. Tôi chỉ muốn nhắc lại cái nhã ý của bạn về việc sưu tập lại các văn thơ đã trừ thuật ra trong bấy nhiêu lâu để làm thành sách rồi xuất bản công bố cho quốc - dân . . . Đây là một điều đáng đề tâm nhất trong lúc kẻ ở, người đi. Theo thiên ý, đây là một vấn đề có quan hệ đến chung thân của bạn, và cả đến vận mệnh tương lai của tiền đồ quốc dân nữa vậy.

Đã hay rằng thế, nhưng ta phải giải quyết ra sao ? Thiết tưởng có hai điều yếu ước như sau, chúng ta cần phải thận trọng xem xét mới được :

1o) Tập văn thơ của bạn ra đời liệu có thích dụng với thời đại không ?

2o) Những nguyên tắc của văn thơ là những điều gì ?

Giải quyết được hai câu hỏi này, tức là cái cứu cánh của công trình văn nghiệp của bạn và cũng là cái sức hậu thuẫn của bạn trên bước đường tương lai văn-học vậy.

Cách đây chừng vài năm, chắc bạn hãy còn nhớ, trong văn giới nước nhà đã có một cuộc tranh luận của hai phái lãng thơ về vấn đề thơ sâu. Tôi muốn bạn lưu tâm về vấn đề văn thơ sâu cảm.

Đại khái, bên quả quyết ca rao rằng : văn thơ sâu cảm chỉ giết chết hết năng lực của người ta, đưa quốc dân vào con đường liệt nhược, và bên lại cực lực cổ võ rằng văn-thơ sâu cảm giúp thêm phần sinh thú vào cuộc sống của nhân-loại. Hai bên đều cứng lý già lẽ cả. Mà kết cục thì vẫn chưa bên nào chịu cho lý thuyết



của bên nào là toàn thiện đáng để làm mô phạm cho mình.

Dẫu sao đi nữa, cứ theo ý riêng của tôi, thì văn thơ sâu cảm chưa chắc đã toàn có hại như phái «tích-cực» đã chủ trương, và nó cũng chẳng có lợi nhiều như phái «tiêu cực» đã khởi xướng (1).

Xem lịch trình tiến hóa trên văn-học sử của nhân loại thì ta nhận ra rằng thế vận của một quốc gia nào hùng cường là lúc văn thơ hùng tráng, khẳng-khái; trái lại, lúc văn thơ phù phiếm bi ai là hồi vận nước suy nhược. Văn chương là tấm gương phản chiếu của thời đại.

Tâm hồn người ta theo hoàn cảnh mà biến chuyển; tính tình người ta theo cảnh ngộ mà lạt, thắm, thâm, sơ.

Gặp bước lưu-ly dễ đã mấy ai cho đời là sướng mà cất giọng ngâm nga những câu thơ hùng vĩ, những câu thơ có vẻ lạc quan; ngồi trong «lầu ngà» đã mấy kẻ biết mùi trần-khổ mà thở-than những điệu bi-tao! Đương vui mà khóc, từ cổ lai đã có mấy người, đương buồn mà cười, tưởng cũng ít ai điên rồ quá vậy.

Huống chi, thi - nhân là kẻ hơn đời, đã có cái não cân sáng sủa, lại có cái tính-tình thuần cảm, đã có cái tâm hồn cao thượng lại có cái quan-cảm tinh vi. Lúc ấy, thi-nhân sẽ làm hướng đạo cho quốc-dân, làm tiêu biểu cho tinh thần chủng tộc. Thế-lộ gặp ghềnh, thi nhân sẽ đưa nhân loại vào con đường thẳng thắn, nhân tình ân-trắc, thi-nhân sẽ phản kháng tinh tường Huống đâu, còn những bài thơ-ca tình cảm như bài « Sự chết của con lang » (La mort du loup) của VIGNY hàm súc một cái triết-ly siêu-phàm bi tráng, bài « Chim Bồ Nông » (Le pélican) của MUSSET đọc lên mà phấn khởi tinh thần giàu lòng hy-xá.

1) Tôi lạm dùng hai tiếng TÍCH CỰC và TIÊU CỰC để chỉ hai cách đối nhau trên lý thuyết tư tưởng



Lại xem đến những bài thơ thuật tình hoài-cổ của bà Huyện Thanh-Quan, thân vong-quốc ai mà chẳng ngậm-ngùi bi-phẫn vì Thăng-Long dấu cũ, bài tả cảnh ngụ-tình của cô Hồ-xuân-Hương, ai ngậm đến lại không khát-vọng cảm yêu những cái kỳ công thắng-cảnh của Chợ Trời?

« AI » mà « AI » thương-thảm những cảnh doanh-hư tiêu-trưởng của giang-sơn, vũ-trụ ; « BI » mà « BI » thương-xót những trò độc ác bất công của thế-thái ; nhân tình « DỤC » mà « DỤC » khát-vọng mê say mừng cái trang nghiêm hùng vĩ của Tạo-hóa Nhân-sinh, thì văn-thơ sâu cảm đã có gì là mang tiếng hại đời ?!

Tuy nhiên, cái phong trào phản đối « NÓ » cũng có cái sức đàn-áp ngăn-ngừa những thú văn thơ sâu-cảm vô vị chỉ làm rối loạn nhân-tâm cùng phá-hoại bờ cõi văn-học nước nhà, và cũng là tiếng sóng dội-động lại để cảnh cáo với các văn-nhân thi-sĩ ta vậy.

Muốn cho có một cái công dụng hữu-ích cho nhân-quần xã-hội, người làm văn thơ, theo thiên-ý, phải có, đại loại, ba điều kiện như đây : KHÍ TIẾT, HỌC THỨC và KINH NGHIỆM để làm nguyên tắc cho văn chương.

Khí-tiết, tôi nói đây, trong một nghĩa hẹp, là cái nhân cách của người ta. Có nhân cách mới biết phương châm xử thế ở đời : khi gặp bước gian-nan, chí vẫn không hề nao núng, khi lâm phải vòng ô-trọc, dạ vẫn giữ được đức thanh liêm, không chịu khuất-phục những phường vô đạo, không chịu a-dua những quân lưu-tục, khí cứng như thép, tiết sáng như gương chẳng gì làm mềm và cũng chẳng gì làm dơ được.

Đã có cái nhân phẩm thanh-cao, người ta lại cần phải có cái học thức dồi-dào sung-thêm. Cái học-lực có sức-tích uyên thâm, thì cái tư-tưởng mới được minh triết hùng-hồn, cái não cân phán đoán mới được xác



thực công minh, cái tinh thần nhân lực mới được khúc chiết quán-xuyên cả cổ kim thế sự.

Có cái khí tiết ấy, cái tài học ấy, lại cũng cần phải có cái kinh-nghiem nữa mới khả gọi là người có trí-thức hoàn-toàn.

Người ta nói : đi một ngày đàng, học một sàng khôn. Ta cũng có thể nói : đọc đến nghìn vạn cuốn sách, cũng chưa thể gọi là người có « thức », nếu chưa qua lịch lãm phong trần, chưa từng tiếp xúc với nhân sự. Người ta có lịch duyệt, thì kiến văn mới quảng - bác, quan sát mới thiết thực, phân biện mới chính đáng. Không qua sự đau khổ, sao nói sự đau khổ cho rành, không giao tiếp với nhân - tình sao biết thói đời ấm - lạnh ? Chân không bước ra khỏi cửa sao kể được chuyện năm châu, mắt không thoát ra ngoài bốn bức vách sao tả được cảnh trên trời, dưới biển ?

Từ cổ-lai đã có một ai được khoác áo vĩ-nhân, danh lưu thiên cổ mà lại cứ quanh-quẩn xó nhà, chưa từng tân khổ ? Không có cái tâm sự khác đời, có tài học hơn chúng, lịch lãm hơn người, cụ NGUYỄN-DU tạo sao ra cuốn KIM-VÂN-KIỀU TRUYỆN ? ; Không qua cái cảnh ngộ éo le, không trực tiếp với nhân-tình thế-cổ, cụ ÔN-NHƯ-HẦU viết sao nên tập bi-ca CUNG-OÁN ? Ông LA BRUYÈRE soạn ra cuốn LES CARACTÈRES « NHÂN-TÌNH » (?), không phải là ông đã chịu chìm nổi lênh đênh trong bể nhân-tình chua cay mùi thế tục, ư ? Ông-LE SAGE viết thành truyện GILBLAS lại không phải là ông đã từng phen dầu-dãi phong trần ở nơi ngoài muôn dặm cổ-hương, sao ?

Cùng một đề mục cho văn thơ, mà người thì danh ghi muôn kiếp, kẻ lại bị mát-sát mĩa mai. Cùng một mục đích khám phá nhân-tình, phát minh chân-lý, tư-tưởng của người thì nghìn năm không nát, sử-sách lưu truyền ; mà ý tưởng của ta thì người đời lại khùng khiếp lánh xa như bệnh thiên-thời, dịch-tả !



Tại sao ? — Há không phải bởi một chữ « BIẾT » với « KHÔNG BIẾT » mà người đời khinh trọng ta ư ?

Với cái tài năng đức hạnh đã sẵn có ấy, nhà cầm bút hiện đại lại còn phải lấy nhân sinh chủ nghĩa làm trọng, vừa đề làm cái tôn-chỉ tối-cao lại vừa đề làm cái phương châm tuyệt đích cho nghệ-thuật. Nghệ thuật có lấy đấy làm cơ sở, thì bao nhiêu những tác phẩm về công trình văn nghiệp của mình cũng mới có thể lưu-lai với trần gian.

Văn-thơ không phải là đồ vô dụng. Thế-giới hữu hình của loài người nếu đắp bằng những điều-kiện kỹ-nghệ khoa học mới được phong phú hùng cường, thì thế-giới vô hình của nhân loại cũng phải xây bằng những nguyên-liệu tinh cảm, văn-thơ.

Viết đến đây, bạn HOÀI-XUÂN yêu quý, ta xin tạm dừng bút, thư đã quá dài, nhưng lời vẫn chưa hết ý. Thế lộ gặp ghềnh, biết ai là người đồng-chí ? Ngoảnh trước, trông sau, dậm thẳng đường xa, nghĩ mà lo cho hậu vận thân-danh. Nèn, một trời xuân-sắc, thân phiêu bạc, cũng lăm lúc cười ra nước mắt... Nhưng thôi... nhưng thôi, tuổi thanh xuân là tuổi đương hăng-hái, nhiều hi vọng... ta cũng bắt chước người xưa mà ngâm câu tự thuật :

VĂN PHI SƠN THỦY, VÔ KỶ TỬ ;

NHÂN BẤT PHONG SƯƠNG VỊ LÃO TÀI.

Đôi hàng bạch thoại, bạn yêu ta xin chớ phụ lời ta. Rồi đây... hành tung bất định, chim trời cá nước, hội tao phùng, biết lại hẹn-hò nhau ?

*Viết ở Saigon, ngày 12 Février 1934*

HỒNG-ĐIỀU





## NÉT MỤC XUA

# CÁC NƠI THĂNG CẢNH TỈNH QUẢNG - NGÃI

---

Năm 1750, khi ông Nguyễn - cư - Trinh làm Tuần - phủ Quảng - Ngãi, ông có phê - bình cho giang - sơn tỉnh này cả thấy 12 bài thi Đường - luật. Tôi xin sao lục ra đây gọi là chút quà quý có đã được 184 năm để tặng các đọc - giả :

### X

#### 1. — THIÊN - ẮN NIÊM - HÀ

Núi Thiên-Ắn thuộc làng Phú-Nhơn, phủ Sơn-tĩnh. Nguyên hòn núi này hình tựa như một cái Ắn, lại nằm ngang bên bờ sông Trà-Khúc, nên mới đặt là Thiên Ắn niêm-hà. Đứng trên Thiên Ắn ngó về sông Trà-Khúc, rồi ngó xuống làng Mỹ-Kê (làng cụ Trương-dăng-Quế) làng Tư-Cung và Cổ-lũy, thì thấy các ngọn sông uốn chuyển, các thôn lạc rải rác, hoặc cụm dừa, hoặc bãi cát, hoặc gò núi đất điểm-xuyết thành màu trắng, màu xanh, màu vàng, khác nào tấm thiên-nhiên cầm tú. Ta day về phía Nam mà ngó qua tỉnh thành, thì thấy một bức họa đồ rất là ngoạn mục.

Châu-Sa, làng này ở phía đông núi Thiên-Ắn. Tục truyền rằng trong làng này có thành Đại-La của Chiêm-Thành, đời Lê có đóng quân ở đó.

Phong cảnh ta đây thật rất xinh,  
Niêm-hà có Ắn của trời sanh.  
Xanh kia dấu tích còn vương vức,  
Nhận lại non sông rõ dạng hình.  
Cách thức còn in đồ cổ-tự,  
Cỏ cây nào phụ tiếng chang-linh.  
Châu-Sa để dưới chân chờ mãi,  
Trần-chĩ sau lưng phía cầm thành.

. . .



## II. — THIÊN BÚT PHÊ VÂN

*Núi Thiên-bút ở làng Chánh-lộ, phủ Tư-Nghĩa. Hòn núi này giữa cánh đồng bằng nổi lên hình như cây bút nên mới gọi là Thiên-bút.*

Trước thành đồng trống lồng lộng lòng,  
Núi bút phê vân khéo lạ lòng.  
Cây diêm ra hoa, hoa diêm nhụy,  
Mây thành có sắc, sắc thành không.  
Giang-sơn đúc lại còn danh giá,  
Cốt cách xinh vầy tự Hóa-công.  
Thêu dệt văn chương trên để tọa,  
Hơn mười hai cảnh giữa non sông.

• • •

## III. — LONG ĐẦU HÍ THỦY

*Ở làng Phú-Nhơn, bên kia sông Trà - Khúc có núi hình như đầu rồng, nước sông Trà ở trên chảy xuống tỏa vào núi đó; gần khít đó có con đường quan lộ qua lại.*

Non sông đâu cũng có non sông,  
Có cảnh Long đầu hí thủy không?  
Ngó lại cây xanh năm vẽ rục,  
Phun ra nước chảy một dòng trong.  
Ngựa - xe đắp đổi đường qua lại,  
Ghe-guộc đua bơi sóng vầy vùng.  
Hỏi thử khi nào bay đặng nổi,  
Thấy tin người lớn thỏa lòng trông.

• • •

## IV. — LA - HÀ THẠCH - TRẬN

*Núi La-Hà ở làng La-Hà và An-Hà gần đường thiên lý. Nguyên chỗ ấy có ba hòn đá lớn đứng giùm lại rồi lại có đá rải rác, từ Cồ-Sơn tới La-Hà, Điện-An, ở*



đó la liệt những đá lồi chồm, chỗ hai ba hòn, chỗ năm bảy hòn, hình như thiên binh vạn mã đang giao chiến với nhau, nên gọi là La-Hà thạch trận.

Khói lan nghi ngút đã tan tành,  
Thạch trận nay còn thấy dạng hình.  
Bốn phía ngựa xe đi lại giáp,  
Hai bên cây cỏ thấy làm binh.  
Đá chồng bóng mát voi nường núp,  
Đồn dãi người qua hồ rập rình.  
Một cuộc trống thiên bày giữa đó,  
Quân nào nghe tiếng cũng đều kinh.

\* \* \*

#### V. - LIÊN TRÌ DỤC NGUYỆT

Theo trong ý tứ bài thơ, thì Liên-trì đây chỉ ao sen làng Ba la, cách tỉnh lỵ ba ngàn thước tây, chứ không phải ao sen làng Liên-Chiều, huyện Đức-Phổ, như nhiều người đã tưởng. Ban đêm có trăng dọi rất đẹp.

Bóng thỏ xưa nay rọi sáng lò,.  
Ao sen khéo rửa mặt Hằng-nga.  
Rong xanh lớp cũ bày ngư - dước,  
Năng bạc còn dung chỗ nguyệt-ma.  
Phầm vật hữu tình nơi cầm địa,  
Thanh liên chung dục xã Ba-la.  
Ngàn thu đề dấu trong non nước,  
Đẹp mặt anh hùng lúc lại qua.

\* \* \*

#### VI. - HÀ KHÊ VĂN ĐỘ

Có nhiều người nói «Hà Nhai văn độ» là bến đò Hà-Nhai (Sơn-tĩnh) dân buổi chiều đi làm mía làng Xuân-Phổ (Tư-Nghĩa) về rất đông. Nhưng tôi thiết tưởng rằng «Hà Khê văn độ» là lẽ phải hơn, vì bến đò Hà-khe (Thu-Xá) chiều chiều đưa khách thương mại ở các nơi chung quanh qua lại tấp nập, có vẻ náo nhiệt lắm.

•



Vả lại bến đò này đưa hành khách lên phố Thu-Xà là nơi khách trú buôn bán rất phồn thịnh. Sông Trà-khúc cũng chảy xuống bến đò này. Hà-khé cách tỉnh thành 10 cây số.

Nam bắc đông tây hiệp một nhà,  
Hà - khé đây có thiết phiên ba.  
Khe trong tôm cá lên tròng nguyệt,  
Bóng mát bướm ong lộn dật hoa.  
Bữa bữa lâu đài chuông dục tối,  
Chiều chiều thương mại khách đi qua.  
Chốn trường an ngó xa vôi vọi,  
Lên xuống phong lưu cũng nước Trà.

(Còn nữa)

BÙI VĂN LĂNG

Đốc-học trường Qui-Nhơn  
sao lục và chủ thích







# THI THOAI

## Baudelaire

Ông tướng thua trận, phải mang lá cờ đen lên thi-đàn.

Sinh năm 1821, ông tướng Baudelaire sớm đã có cái hồn cao - thượng và đã biết hết lòng theo thờ cái Tuyệt-phẩm. Khi chưa đủ tuổi thành-niên, ông đã háng hái muốn ra tòng chinh để sửa đổi những cái xấu xa, đê-tiện của người đời; đánh tan những thói hèn mạt, ti-ô của xã-hội, để cứu vớt lại phong-hóa. Nhưng mà « độc mã, độc thân », ông dẫu có tài kinh-tế như Quán-trọng, có sức còn quyền như Hạng-Võ; ông cũng chỉ nằm chắc phần thua. Thế là chưa đánh mà thế binh của ông đã lung lay; chẳng bao lâu rồi thành Hy-Vọng của ông bị phá, ông bị thương ở tim. Sau khi thất thủ, ông phải đưa vào dưỡng bệnh ở cõi « mơ mộng » là cái « cõi thơ ». Ở đấy, ông thường sầu, uất.., ngày đêm chỉ ngâm nga mài rũa những vần thơ « bạc mệnh ». Trông ra chung quanh, ông thấy đáng khinh bỉ và chán nản vô-cùng. Cái đời ông là cái đời sầu khổ vô cùng: cái đời của tên tù chuơng thân phải ngồi làm « cỏ vè » vậy! Ông nghĩ không còn một chút hi-vọng nào nữa. Cái « U sầu » của ông, ông đã lấy những cái tỉ dụ ghê gớm thiết tha mà hình dung ra một cách rõ ràng ở bài thơ mà đầu đề là « U uất » (Spleen). Bài đó ông nói những khi trong trí buồn bực không dứt mà trông ra... thì giờ thấp, nặng chình chịch



như cái vung lớn, bao lung cả góc bể, chân mây, chút xuống cho ta một cái ngày đen tối buồn thảm hơn là đêm vậy.— Khi mặt đất đã hóa ra một căn ngục tối để giam hãm cái hi vọng vào trong, khác nào như con dơi bị dốt vào chiếc nhà hoang, cánh bay đập vào tường âm, đầu búc cả vào trần mục. — Khi giờ mưa, nước trút xuống tựa hồ như những dòng sắt của cái nhà tù lớn. Trong nơi cùng óc thì những giống nhện sù uế kia đua nhau đến kéo tơ nhả sợi, trắng mắc ra khắp cả.— Bỗng thấy những tiếng chuông ở đâu nổi lên, vang cả một góc giờ như những hồn oan chưa tiêu đi được, còn rền rĩ mà cùng kêu lên một tiếng thảm thiết. — Bấy giờ Baudelaire thấy tâm hồn lay động như thấy diễn ra lũ lượt những xe tang, không kèn, không trống... cứ thấy lảng lảng mà đi. Bên Hi-Vọng đã thất bại rồi, khóc lên rưng rức. Bên Sầu-khổ được thẳng thể ra tay tàn ác ấn nghiêng đầu xuống mà chôn lá cờ đen lên đỉnh. Nguyên văn tây của ông như sau này :

- = *Quand le ciel bas et lourd pèse comme un couvercle  
Sur l'esprit gémissant en proie aux longs ennuis,  
Et que de l'horizon embrassant tout le cercle  
Il nous verse un jour noir plus triste que les nuits ;*
- = *Quand la terre est changée en un cachot humide,  
Où l'Espérance comme une chauve-souris,  
S'en va battant les murs de son aile timide  
Et se cognant la tête à des plafonds pourris.*
- = *Quand la pluie étalant ses immenses trainées  
D'un vaste prison imite les barreaux,  
Et qu'un peuple muet d'infâmes araignées  
Vient tendre ses filets au fond de nos cerveaux,*
- = *Des cloches tout à coup sautent avec furie  
Et lancent vers le ciel un affreux hurlement,  
Ainsi que des esprits errants et sans patrie  
Qui se mettent à geindre opiniâtement.*
- = *— Et de longs corbillards sans tambours ni musique  
Défilent lentement dans mon âme ; l'Espoir,*



*Vaincu, pleure, et l'Angoisse atroce, despotique,  
Sur mon crâne incliné plante son drapeau noir.*

Ôi! Trăm cay, nghìn đấng, ngay từ thuở nhỏ, cảnh nhà bần hàn, ông lại còn phải đeo thêm bệnh tật ốm yếu, cái cảnh đau đớn, bị thương tưởng không cảnh nào là thảm thiết mà ông không qua. Cũng vì thế mà ông coi đời người là cái nghiệp báo. Lại cũng vì thế mà ông cất lên cái giọng bức tức, u sầu, khiến cho người sau, ai đọc thơ của ông cũng phải rùng mình... Một cái « rùng mình mới lạ » (un frisson nouveau) như nhời các nhà phê bình phương tây thường nói!

Vì tin rằng có cái nghiệp báo, nên người ta phải đầy đọa vào cõi sâu khổ, ông đã tin như vậy nên mới chỉ thờ cái Đẹp ở trong trí, nuôi cái Yêu ở trong lòng và nói rõ cái cách « chuộc mình » trong bài thơ « La Rançon ».

- *L'homme a, pour payer sa rançon.  
Deux champs au luf profond et riche,  
Qu'il faut remue et défriche  
Avec le fer de la raison;*
- *Pour obtenir la moindre rose,  
Pour extorquer quelques épis,  
Des pleurs salés de son front gris  
Sans cesse il faut qu'il les arrose.*
- *L'un est l'Art et l'autre l'Amour  
— Pour rendre le juge propice,  
Lorsque de la stricte justice,  
Paraîtra le terrible séjour.*
- *Il faudra lui montrer des granges  
Pleines de moissons, et des fleurs  
Dont les formes et les couleurs  
Gagnent le suffrage des Anges.*

Ý nói: Người ta đã có được hai cánh đồng sâu, tốt, thì phải luyện linh tính cho như sắt mà dùng làm vật bừa, sỏi hoặc cày, cuốc cho tốt, hòng để chuộc mình. — Muốn có một bông hồng nhỏ, mấy bông lúa con thì cái trán đen sạm kia cũng phải đổ bao giọt mồ hôi để tắm tưới vào đấy. — Hai cánh đồng ấy: một cái là khu



*Mỹ-thuật*, một cái là khu *Ái-tình*, ta đều phải sao cho đến cái ngày sau cùng là ngày ông Thiên-chúa gọi ra « xử án », được ông bằng lòng. — Muốn các vị thiên thần ấy được vừa lòng đẹp mắt, thì ta phải sao có được những lăm thóc đầy những cụm hoa nở...

Than ôi ! Như vậy thì còn sung sướng gì, mà đời người còn mở được miệng cười vui mấy khi. (*Nhân thế hãn phùng khai khẩu tiếu*). Thường, xưa nay « người đời không hiểu ý ông Thiên-Hoàng đề cho tấm lòng phải thâu đêm phiền muộn ». (*Thế nhân bất giải thanh thiên ý, Không sử thanh tâm bán dạ phiền*). Thế mà ông, thì ông hiểu ý Thiên-Hoàng lắm, song muốn tìm cách « chuộc mình », mà... có vui được đâu. Hồ lệ rat rào, bề lòng lai láng, hồn thơ của ông như ngấm toàn những mối chán nản, xót thương. Trong tập thơ đề là « Ác-hoa » (*Fleurs du mal*) của ông chỉ thấy phảng phất một cái « bản ngã » ưu uất, u sầu, luyện đúc nên bao nhiêu những tư tưởng lạ lùng gớm ghê. Mỗi câu thơ của ông là một câu tuyệt diệu đọc lên nghe như một cung đàn, xem như một bức vẽ, thế mà ý tứ lại thâm trầm phò bày được hết mọi điều trong tâm giới. Một đôi lần, ông cũng bước tới cõi « đất yêu », mong tìm thuốc trong tình trường. Nhưng khổn lắm, yêu lại là chịu đau đớn. Cuộc ái tình của ông cũng trắc trở mà gian nan. Thế là ông tưởng tới lại thua trận một lần nữa ! Căm với những điều trông thấy, căm với lũ người đời vô giác, vô tri, ông chỉ còn lại một mình với cái đau đớn là bạn. Trong bài *Recueillement* « Bình-tĩnh » ông đã lên tiếng gọi cái đau đớn của ông như sau này :

« Hỡi cái đau đớn của ta ơi ! hãy nên lẳng lẳng bình tĩnh lại chút nữa. Người muốn trời chiều thì trời đã tối lại đấy thôi. Tối đen cả một nơi thành thị cho người được an tĩnh, người phải mỉm lòng. — Trong lúc lũ hèn mạt kia đang còn bị cái thú « ăn chơi » nó sô



đẩy vào chốn đề tiện bần thiêu để mua lấy cái ăn năn về sau, thì cái đau đớn của ta ơ! người lại đây đưa tay ta dắt, lại đây với ta. — Xa lũ chúng nó, trông lên cái bao lơn trên trời kia, người thấy những ngày thừa trước còn mặc áo cổ thời... còn như lưu luyến với ta. Lại ở nơi nước thăm kia... mỗi thương tiếc còn như mỉm cười với ta... Cái mặt trời ủa kia sắp lặn dưới bóng hào quang. Người có nghe thấy tiếng chân của đêm tối nó dẫn ra không... nó dẫn ra như một tấm da phủ quan dài... lẳng lẳng kéo về phía Đông kia mãi ».

*(Sois sage, ô ma Douleur, et tiens-toi plus tranquille,  
Tu réclamaïs le soir; il descend; le voici:  
Une atmosphère obscure enveloppe la ville,  
Aux uns portant la paix, aux autres le souci.*

— *Pendant que des mortels la multitude vile,  
Sous le jouet du Plaisir, ce bourreau sans merci,  
Va cueillir des remords dans la fête servile,  
Ma douleur, donne-moi la main; viens par ici,*

— *Loin d'eux. Vois se pencher les défuntes Années,  
Sur les balcons du ciel, en robes surannées  
Surgir du fond des eaux le Regret souriant.*

— *Le soleil moribond s'endormir sous une arche,  
Et comme un long linceul trainant à l'Orient,  
Entends, ma chère, entends la douce Nuit qui marche.*

. . .

Đau đớn nữa là cuốn «Fleur du mal» cũng cùng chung số phận với nhà thi-sĩ, mới ra đời đã gặp ngay cảnh ngộ khắt khe. Những bài: thơ tuyệt tác trong cuốn đó như những bài: *Les bijoux, le Lethe, A celle qui est trop gaie, Lesbos, Delphine et Hippolyte, Les métamorphoses du Vampire*... bấy giờ người ta kêu là tả thực nhiều cái rất thô tục, hại đến phong hóa trong nước. Rồi Chánh-phủ «mời» tác giả Baudelaire, người Ấn-hành Pollet Malassis và cả bác chủ hiệu bán sách de Broise, ra tòa án Alençon. Kết cục, tòa phạt tác-giả



3000 quan tiền và người in, người bán cũng đều phải phạt ít nhiều cả. Phạt tiền chưa hủ, ít bữa nữa, người ta lại đòi ra phạt tù... Ôi!, năm ấy là năm 1857! là năm ngôi báu nước Pháp thuộc về một người cháu Napoléon 1er, cho đến nay người ta mới lo «rửa nhục» cho Beaudelaire, người ta mới kêu tái thẩm lại cái án Alençon...

Ra tay xua đuổi những cái xấu xa, dè tiện của người đời, lại phải chịu án vì những cái ấy. Ôi, như thế có khác chi «con chim phải tên» của La Fontaine không? độc ác thay, người ta lại lấy lông chim mà bắn chim, mà giết chim. Nghĩ đau đớn lắm thật.

Kết bạn với cái đau đớn, thủy chung với cái đau đớn cho đến năm 1867, ông tướng Baudelaire qua đời, mà lá cờ đen chôn trên đỉnh đầu cũng vẫn còn chưa nhòe được. Những bài thơ của ông làm, đồng thời không mấy người hiểu vì những ý nghĩa lạ lùng thâm trầm quá vậy, nên người ta cho ông là hạng điên, cuồng hoặc không thể thì hạng biểu kỳ, lập dị.

Mãi về sau, càng xem, càng ngẫm nghĩ, người đời mới càng thấy hay. Rồi từ đấy về sau cái thanh danh của Beaudelaire mỗi ngày mới một tăng lên mãi...

Cho đến bây giờ thì không còn ai không phục và không công nhận rằng ông tướng thua trận phải tròn lá cờ đen trên đỉnh đầu lại chính là ông tướng cừ khôi nhất về thể-kỹ thứ 19: một ông thống-chế trong làng thơ Pháp!

LÊ-TÀI-PHÚNG





# NGƯỜI ... VÀ ... VĂN

Muốn cho Độc - giả dễ biết các trào - lưu về Văn-học, và mọi chuyện trong làng văn, nên chúng tôi thêm mục « người ... và văn », mỗi kỳ, vài trang, chép những chuyện không tiện viết ra bài giải.

X

## *Trong cuộc phỏng-vấn Maurice Dekobra*

Hồi tháng Novembre năm 1933, tâu André Lebon đã đem tới Saigon một vị quý khách : Ông M. Dekobra, tác - giả những cuốn « La Madone de Sleepings, - Minuit, place Pigalles. - Les tigres parfumés v. v. » đã được công chúng hoan nghênh và đua nhau dịch ra nhiều thứ tiếng . . .

— Phải, có đến 25 tiếng nước lạ, (lời ông M. Dekobra) trong đó có tiếng Thổ-nhĩ-kỳ. Gần đây có một người Annam gửi thư cho tôi nói sẽ dịch sách của tôi ra quốc-ngữ, không biết đã có chưa ? (!)

Đó, cô Ng. thị-Kiểm đơn-đả tới « phỏng vấn » ông mà

ông nói cho thế đó. Cô Kiêm cũng quên không hỏi lại cho rõ chuyện đó chơi. Chớ tôi ngờ nó là chuyện « Phong thần » mà Dekobra hết chuyện, nói cho vui thì có. Người văn-sĩ Annam đó là ai ? « Không biết đã có chưa ? » và là ai ? Thôi ! bí mật nhà nghề !

*Báo, sách ra đời  
trong dịp tết*

Gặp dịp Tết này, các nhà văn-sĩ hoa bút viết ra rất nhiều nên sách xuất-bản thấy tròng đồng cả ở các hàng sách . . . Các báo cũng thấy một vài cái ăn « ết » bằng một số rất « chơi », nhất là Nhật-Tân và Phụ-nữ Tân văn thì lại sửa soạn tự sớm lắm. Ngày nay số



đọc-giả xem ra đã thấy nhiều. Chỉ còn chờ cho mọi người đều biết lựa chọn những sách, báo mà đọc nữa. Bấy giờ thì văn-học xứ này mới có quang cảnh rực rỡ nữa được.

●  
« *Làm cái tết* » !

Có nhiều kẻ không ra gì, ngày thường không hề cầm đến cán viết, gặp dịp tết đến cũng đua đòi làm vài bài « đầu Ngô mình Sở » rất vô ý thức, rồi đi xin vài cái quảng cáo . . . Thế là lại một cuốn sách ra đời. Họ định « *làm cái tết* » !

●  
*Phong-Hóa và Nhật-Tân* !

Báo *Phong-Hóa* số Xuân vừa ra, được vài bữa sau trên *Nhật-Tân* đã có bài nói tới. *Nhật-Tân* đem « văn *Phong Hóa* » ra, rồi phê thêm « lời *Nhật-Tân* » vào như thầy phê văn của trò. Đó là một việc « quá » trong đồng nghiệp với đồng nghiệp. Nhưng một cơ nữa là *Phong Hóa* hay « cạo » văn người, thì người lại cạo văn *Ph.*

*H.* Lại có người cần « cạo » văn *Ph. H.* để *Ph. H.* chừa đi khỏi cạo văn mình. Như vậy thì cuộc thái bình của báo-giới lại cũng như cuộc thái bình của thế giới. Nó chỉ là cuộc « thái bình có khí giới » (la paix armée) ! Ai muốn hai chữ « bảo an » (sécurité), nào ! cũng « làm già » lên !

●  
*Một cuốn tiểu-thuyết phóng-sư*

Ông Thiên-hư là một nhà viết văn rất sành. Trước kia mấy năm, những bài đoản-thiên tiểu-thuyết của ông đăng ở *N. B.*, đã làm đọc - giả vui thích. Gần nay, văn-nghiệp của ông lại thấy tiến bộ hơn nhiều. Cuốn « *Cạm bẫy người* » của ông mà Annam xuất-bản cục mới in ra đã chứng-thực cho điều đó. Không kể mấy thiên về mĩ-dâm của Việt-Sinh mà người ta trầm trồ đã nhiều, xứ ta mới có tập phóng-sự này là thấu đáo, trải chuốt hơn hết Tập đó nói tình-tướng về nghề bạc



bíp, nay đã in thành sách, nó lại là cuốn sách phóng sự đầu tiên của nước Nam. Hay lắm, thú lắm. Đọc-giả thử kiểm coi.

●

*Thư-viện, sao còn ít vậy?*

Mới độ trong năm, một bọn thanh-niên tân học ở làng Tân-niên-Tây, trong Gò-Công là ông Nguyễn-ngọc-Khoa được phép mở một cái thư-viện để cho ai rảnh việc đến đọc sách xem báo. Đó là một việc hữu ích, tưởng các làng văn xa gần nên theo mà cũng đứng lên lập thêm cho mỗi thành mỗi

tỉnh có lấy một thư-viện để giúp cho mọi người tiện đường kê cứu và mở mang trí-thức.

Lập một thư-viện, mua mất ít nhiều sách, báo, rồi nếu ta chịu khó một chút thì ối người hữu tâm người ta có sách đem tặng ngay. Giá các nhà hội như hội Trí-tri chẳng hạn, mà lo làm thêm một cái thư-viện cho hàng tỉnh thì chi mà không được. Nước văn-minh người ta mỗi hội học còn lo bỏ tiền ra mua ô-tô làm « thư viện dong » (bibliothèque ambulante) cho bà con hàng phố tiện xem nữa thì sao.

TRÀNG-KIỀU







## VĂN THO

### ĐÔI CHỊ EM AI

(Tặng các tiểu-thư và các cô gái mới)

Dưới cành dương liễu rủ lê thê,  
Đôi chị em ai ngồi tỷ tê.  
Tỷ tê câu chuyện dai như chuỗi,  
Đề khách qua ngoài phải lắng nghe.

Em rằng : « ta sinh cửa hào quý,  
Sớm lược chiều gương tối đàn nhị.  
Ăn ngon mặc đẹp ở lâu đài,  
Xe ngựa tôi đòi không thiếu nhĩ.

Ơn cha nhờ mẹ biết là bao,  
Cha sẵn nhiều đồng mẹ sẵn hào.  
Phung phí tung huê tùy thích muốn,  
Giăng chiều gió sớm mặc tiêu dao.  
Kìa trông những lũ con nhà khó,  
Hôm sớm làm ăn thực khổn khổ.  
Quần manh áo mỏng hình bẻ tha,  
Tóc rối đầu bù mặt nhăn nhó.

Vì đem so với chị em ta,  
Một vực một giờ bao cách xa !  
Phúc cả giờ cho vui hưởng lấy,  
Phong lưu cho đáng mặt con nhà, »



Trầm ngâm một lúc chị bèn nói :  
 « Ý nghĩ như em còn sốc nổi,  
 Làm người phải biết tính sâu sa.  
 Cuộc thế khôn lường cơ biến đổi.  
 Phụ thân ngất ngưỡng ngôi quan sang.  
 Phong lưu nhà ngọc chen ngựa vàng.  
 Ôn dân lộc nước nhuần mưa móc,  
 Vẫn biết một nhà cũng vẻ vang.

Song lòng chị vẫn riêng lo sợ.  
 Tình sự bên trong em chưa rõ.  
 Xưa nay nhân-dục vẫn vô nhai,  
 Đầy nước bình kia dễ đổ vỡ.

. . . . .  
 . . . . .  
 . . . . .  
 . . . . .  
 . . . . .  
 . . . . .  
 . . . . .  
 . . . . .

Đi đêm có lúc gặp tinh ma,  
 Một sớm tham tang án phát ra.  
 Trần Đỗ (1) kia quơng to tựa liếp,  
 Muôn nguy nghìn khổ xiết đâu là !  
 Nhà tan nghiệp đổ đến khi ấy,  
 Cuộc thế thăng trầm em sẽ thấy.  
 Tổ vỡ mong chi trứng được lành,  
 Còn nhiều cảnh nghịch nổi sau đây.  
 Lo thay lúc ấy chị em mình,  
 Khó được như người em vẫn khinh.  
 Em vẫn khinh ai tưởng đời khó,  
 Đường xa nghĩ nổi chị càng kinh.

---

1) Trần-văn-Trình và Đỗ-kim-Ngọc, hai viên quan can  
 án phải tù.



Can ngăn cha mẹ ngăn không được,  
 Âu phải cùng nhau toan tính trước.  
 Học buôn học bán học khâu may,  
 Giữ một nghề riêng phòng đến bước.  
 Huống chi thế giới buổi văn minh,  
 Phụ nữ đương chen bước cạnh tranh.  
 Há cây gừa sang sung sướng sẵn,  
 Một đời cam chịu kiếp hư sinh.  
 Em muốn chen vào tân nữ-giới,  
 Chị cũng mong nên người gái mới.  
 Thế nhưng gái mới phải làm sao,  
 Chị dám khuyên em nghĩ cho tới.  
 Kìa xem gái mới nước người ta,  
 Việc dân việc nước kiêm việc nhà.  
 Mọi việc từ thiện việc công nghĩa,  
 Nghiêng vai gánh vác không nề hà.  
 Học đòi gái mới nên học thế,  
 Bộ cánh ngoài nguyên chẳng quan hệ.  
 Văn minh thế ấy mới văn minh,  
 Văn minh bộ võ đời khinh tể.  
 Em ơi nghe chị bấy nhiêu lời,  
 Nên biết lo thân biết liệu đời.  
 Lời chị khuyên em, em thử ngẫm,  
 Kìa đàn xuân yến nó bay khơi ».

TRÚC-KHÊ

## TRINH NỮ

Bấy lâu còn giữ tấm lòng son,  
 Duyên trái xin đừng ép uổng con.  
 Hát bắc đờn nam khôn gặng nhịp,  
 Nồi tròn vung méo dễ in khuôn.  
 Thà đem lá rụng trôi dòng biếc,  
 Nỡ để hoa thơm nhúng chậu bùn.  
 Trách bấy ông tơ xe chặt mối,  
 Ôm lòng cam chịu nước cùng non.



## MẸ GÀ CON VỊT

Lời tục xưa nay ví cũng thường,  
 Mẹ gà con vịt thiết tình thương.  
 Nàng niu vẫn tưởng nên đá véc,  
 Khôn lớn nào ngờ khác thịt xương.  
 Cắc cớ bởi ai xui tráo chác,  
 Nhọc nhằn nên phải gắng toan đương.  
 Một mai dầu nhần nên lông cánh,  
 Chớ phụ thân này chịu nặng sương.

Vô danh thị

## VỀ ĐI!

Lấy vợ không nên lấy vợ nhiều,  
 Một bà thôi cũng đủ thương yêu.

HỒ-TRỌNG-HIỆU

## I

Em bảo rằng: — « Anh có vợ rồi,  
 « Một bà thôi cũng đủ yêu. Thôi! »  
 Em nuôi quan-niệm còn eo-hẹp,  
 Chẳng biết tình anh tựa bề khơi.

Ai cấm anh yêu cả đất, trời?  
 Yêu cơn gió mát? cánh hoa tươi?  
 Yêu vàng trắng bạc in đầu núi?  
 Yêu cặp môi son điểm nụ cười?

Viện tình dò bước tới nơi,  
 Trug-hoan chung cuộc gặp người tình chung.  
 Về đi! về với anh cùng,  
 Vườn xuân thêm được đóa hồng thêm xuân.

## II

Thì cứ về đi! ngại nỗi chi?  
 Đứng lên, ngồi xuống mệt chưa tề,



Có đâu chẳng được phần êm-ấm,  
Mà sợ rồi ra tiếng bắc chi.

Ái tình : một mối huyền vi,  
Công đâu thị-thị, phi-phi nhọc lòng.  
Trăng khuya ngấn bạc mây lồng,  
Về đi ! kéo chị ngồi trông canh chầy.

NAM-TRÂN  
NGUYỄN-HỌC-SỸ  
(Thanh-Hóa)

Anh khóc em người có đạo  
đi thông ngôn lính-mộ tử-trận

Than rằng : Bể Á sóng dồn, gởi Âu gió lạnh, miền tây-nam đôi ngả xa xa ; tình cốt nhục một niềm quạnh quạnh.

Nhớ em xưa : Hào-hiệp kỳ tài, thông-minh tổ tính. Nói bề nhân-cách thời này tá giáo - đường này bởi giám - bộ, cũng có thuở dinh hoàn lịch lãm (1), thành Pha-Nho, Phú-Lạng đã từng qua. Bàn sự học-hành, thời nào kinh pháp tự, nào sử quốc-âm, trái mấy nghề bút toán tinh-thông (2), làng ký lục phán tòa chưa dễ sánh. Mấy lúc giao trì uốn khúc (3), gót giang hồ cho phỉ chí nam-nhi ; gặp phen kinh hải dương-ba (4), tay chu-tiếp (5) phải ra tài đua đánh. Thông ngôn lâu tiếng, chước hải-quán ba gác lưới vẽ vờ ; xuất đội ( 軍 隊 ) cầm quyền, nghề lục chiến hai bàn tay lỏng lảnh. Thuở lên đường liễu mạch, người chúc câu thừa mã, kẻ ước chữ phong-hầu ;

1) Từng trải khắp nơi trên mặt đất.

2) Chữ nghĩa tính toán đều tinh thông cả.

3) Lúc người giỏi chưa gặp thời như con giao long uốn khúc ở trong ao.

4) Lúc có giặc-giã vì như bể dương yên lặng mà có cá kinh vùng vẫy làm nổi sóng lên.

5) Tài gánh vác được việc đời như thuyền chèo dòng đi sông được.



khi bước xuống binh thuyền, người đưa chữ bình-yên, kể chúc cho sức mạnh

Tiểu bác đại tài, gặp thời bất hạnh, đã có chí đánh đông dẹp bắc, vui vì đều da ngựa bọc thây; dầu lâm khi đột pháo xung tên, nào có kẻ lông - hồng khinh mạnh. Thiên-đường miễnặng thẳng hồn; địa - ngục biết đâu mà lánh. Sao chẳng rốn một vài tuổi nữa, trái hoàn-cầu cho phỉ chí nam-nhi; sao chẳng chờ bảy tám tuần chi, xem thế giới thử với ai tranh cạnh. Hay là cũng cảm gan thế sự, nhân lúc giá-vân trực-diện (1), sẵn phi cơ lên tầu cửa thềm giới; hay là đã chán mặt trần duyên, nhân khi phá lãng thừa phong (2), xuống tiềm đình về chơi miền nước thánh. Anh em cơ vệ, ai không thương tiếc vì tình; làng nước họ hàng, ai cũng xót xa cảm cảnh. Lúc công-hạ (3) bày bàn cờ tướng, khi lên xe khi giục pháo, sức nhớ em trương súng dàn quân; buổi tư nhân (4) chơi hội bài tôm, khi bốc nhầy, khi dấy khàn, thoát tướng chủ phát cờ gọi lính. Xa xôi bấy bề giới Phồ Pháp khi như sinh còn vang dậy dăm khơi; đau đớn thay mặt mũi Lam-Hồng, thần bất tử hãy in vào tượng ảnh.

Thôi thì thôi! sống thác cơ thường, vẫn dài số định. Chết mà được làm ma anh kiệt, ngoài bốn phương trời trái khắp, dầu trẻ non không phải kiếp hư sinh; sống mà dơ làm quỷ dã man, trong ba nước bước không ra, tuy già lớn cũng là thân hủ-bạnh. Sau nhà nước lên đài kỷ-niệm, tiếng thiên thu bia kim thạch còn ghi; nay anh em đau nỗi biệt-ly, than ba chữ thơ Tích-Linh (5) nổi vịnh.

N. lai cáo

1) Ngồi xe máy đuổi chộp.

2) Đều trên làn gió phá tan sóng.

3) Việc quan rảnh.

4) Chôn nhà riêng nhàn rồi.

5) Thơ tích-linh trong kinh thi nói về tình nghĩa anh em ví như chim trích linh riu-rít với nhau.



# Trong túp nhà gianh

(Đoản - thiên tiểu-thuyết)

Trời đã tối sẫm, anh Cu mới đi làm mướn về. Chị Cu ôm đứa con bé xốc xếch từ trong gian nhà nát chạy ra, khóc meo hỏi rằng:

— Này bố nó, bố nó vay mướn của bên nhà ông Bá bao giờ, mà hôm nay ông ấy sai người nhà bắt mất gánh thóc của tôi đấy. Trời ơi là Trời, tết nhất đến nơi, tôi đi van mãi mới vay được gánh thóc để về ăn vào dịp tết là dịp không đi làm mướn cho ai được, lại bị người ta bắt nợ mất, có cực hay không? Thế bố nó vay bao giờ và vay làm gì, sao lại không nói cho tôi biết! Anh Cu nghe nói vội hỏi:

— Ông ấy bắt mất thóc thật à?

— Chả thật thì dối ư!

Anh Cu đứng ngẩn mặt ra, rồi thở dài mà rằng:

— Thôi u nó cứ ẵm con vào, tôi đi rửa chân đã, rồi sẽ nói cho nghe về chuyện vay nợ.

Chị Cu ẵm con vào, nét mặt đầy những vẻ sầu khổ. Anh Cu ra vại múc gạo nước rửa chân rồi cũng vào theo. Trong một túp nhà gianh ba gian một chái, tường vách đã mấy chỗ trụt lở, bên ngọn đèn nhỏ lơ lơ, chị Cu ẵm đứa con bé mới được mấy tháng ngồi trên một cái ổ rơm, cạnh mình lại có một đứa trẻ con giai lên 4, 5 tuổi, nằm co ro trùm chiếc khổ tải. Anh Cu ở ngoài vào, ngồi phịch xuống ổ, thở dài không nói. Chị Cu lại hỏi.

— Thế bố nó vay bao giờ? và vay làm gì?

Anh Cu lại thở dài, và cứ hậm hực ở trong cổ, đôi mắt rưng rưng như muốn tháo nước ra, một lát mới nói:

— Khổ quá! đến cái thân nghèo là cái thân tội! Thế là khóa tuần năm nay, suốt năm nắng sương đầy đọa mà chả ăn thua gì. Tôi sợ u nó lo buồn, nên về món nợ ấy, tôi vẫn phải giấu



chưa dám nói cho biết. Số là tháng 8 năm nay, vì cái đám cướp ông nhiều Hai, anh em tuần phiên cứ bị đòi hỏi ngày ngà mãi, người ta còn dọa nếu không lo lót sẽ bị tù cả, vì cái tội canh phòng sơ khoáng để cướp vào làng. Nhân thế mà anh em tuần phiên phải hiệp nhau đến nhà ông Bá vay một món tiền ba chục đồng để đem lên nha khẩn vãi, mới được về yên nghiệp làm ăn. Đến hồi tháng 10, bán lúa sương tất cả được năm chục đồng đem đến giả nợ ông Bá thì ông ấy tính lãi 20 phân, gốc lãi thành 42 đồng. Chúng tôi cố van lơn, xin giả 6 đồng bạc lãi, nhưng ông ấy nhất định không nghe, chúng tôi phải khất xin đề một lần sau lại đến nộp nốt, ông ấy bèn cứ giữ vãn - tự. Số tiền lúa sương giả nợ rồi, còn hơn một chục chia mười người tuần mỗi người được hơn một đồng bạc. Khi chia tiền về tôi nói dối u nó là đã đem giả nợ bà Xã còn lại số ấy, kỳ thực món nợ bà Xã tôi đã khất đến sang

năm xin sang cày ruộng trừ nợ, chứ đã giả được xu nào đâu.

Chị Cu nghe nói òa ra khóc mà rằng :

— Thế ra món nợ bà Xã chưa giả, mà bố nó lại nói dối tôi ! Quanh năm ra năm xó điểm canh giữ cho làng, được hơn một đồng bạc lúa sương mà nay lại bị bắt mất gánh thóc ! Thế thì còn thiếu 6 đồng bạc lãi là món nợ chung của anh em tuần, cơ sao ông Bá lại bắt thóc nhà mình ?

— U nó không rõ, vì tôi nhiều tuổi hơn, là đàn anh tuần, phải đứng đầu canh vãn-tự vãi, chắc là vì thế nên ông lão ấy cứ nhe mình mà bắt. Tôi nghĩ nhà mình là phận không có, sống ở trong làng thật là cực nhọc đủ điều. Những kẻ có máu mặt, họ đều bỏ ra một vài chục bạc để mua nhiều, còn cái số vài ba chục tên cùng đình như mình, không có tiền mua nhiều, thì đành cứ cách một năm hoặc hai năm lại phải một kỳ ra tuần, dãi nắng dầm sương suốt cả năm, lo việc giữ của cho



những nhà giàu có. Giá phải chỉ canh đêm, thì ban ngày lại đi làm được, nhưng nhiều khi lại phải bỏ cả việc làm ăn mà canh ngày nữa, như hồi năm trước, phải cắt lượt nhau mà canh ngày hàng nửa năm giờ. Lại còn tháng năm tháng mười, phải đi làm không công cho lý-trưởng hương-trưởng là chưa kể đấy. Năm nào từ đầu đến cuối không xảy ra việc gì, thì mỗi người còn được dăm bảy đồng bạc lúa sương, đủ tiền riêm thuốc và đỡ vào miệng ăn đôi chút. Nhưng nào có mấy năm được trót lọt thế. Nào khi lính phủ nó đi qua, gặp lúc anh em đều ngủ cả, nó đánh, nó đập, nó bắt gậy, bắt ốc (khẩu hiệu của tuần phiên), phải dứt lốt nó thì nó mới tha cho; nào khi trong làng mất trộm mất cướp thì phải đèn bồi, phải tội vạ, tức như khóa tuần năm nay đó. Ấy tình cảnh của bọn cùng dân như mình là vậy, trách nào con chẳng đói, vợ chẳng rách, mình chẳng nhếch nhác gieo neo. Nay tết nhất đến nơi, nhà

chưa có một hột nào, u nó đi vay được gánh thóc, lại bị chủ nợ nó bắt mất! Tình cảnh khổ sở đến thế là cùng, biết tính thế nào? Tôi thương thân tôi, tôi lại thương hại cho u nó và các con quá!

Nói rồi vợ chồng cùng trông nhau, bốn hàng nước mắt chan hòa.

Vừa lúc đó thì cái khổ tái cựa cựa, thằng cu con lên 5 tuổi nằm ở trong ngời dậy, nó thơ ngây chả biết gì cả, hỏi bố nó rằng:

— Bố ơi bố, bố không mua bò ư?

Bố nó lau mắt mà hỏi rằng:

-- Mua bò làm gì hở con?

Thằng cu nói:

-- Mua bò thịt tết mà! Con thấy bên nhà chị Kênh mới mua một con bò to. Chị Kênh bảo bố chị ấy mua để sắp thịt tết. Thế nhà ta bao giờ bố mới mua bò thịt tết?

Anh Cu chỉ nhìn con tiu-nghiu mà không nói gì.

TRÚC-KHÊ





## VU'ÒN VẮN

---

### CÔ HÀNG HOA

Cô em hàng xóm sinh nhà nghèo,  
Trồng hoa, tưới hoa, sớm lại chiều.  
Gió đông vừa thổi, hoa vừa nở,  
Cắt, bó vội vàng đem bán chợ.  
Chợ chiều, lác đác người hồ quang.  
Gánh hoa còn nặng, cô bàng hoàng:  
Nào đâu quả em? nào cháo mẹ?  
Mẹ yếu, em thơ, lòng những thương.  
Đổ hoa xuống rãnh bùng mắt khóc,  
Khóc ra giọt lệ như giọt ngọc.  
Cúi đầu gạt lệ sợ người cười,  
Nhìn hoa dưới rãnh mắt khôn dời:  
Thương hoa thương cả thân vun xới,  
Sương, nắng, công trình biết mấy mươi?  
Ô hay người đời riêng tính lạ:  
Hoa thật chẳng thích, thích hoa giả.  
Hoa thật hỏi mua nào mấy người!  
Hoa giả đắt hàng như tôm tươi!  
Cô em ngồi nghĩ bụng sực nhớ:  
Vì nghèo, âu phải liệu chiều đời.  
Mua lụa, mua phẩm, mua giấy sắt,  
Nhuộm đủ các mùi đem kéo cắt.  
Nào cánh, nào cánh, nào dải tràng,  
Khéo làm chẳng khác chi hoa thật.  
Làm xong hoa giả bán nhiều tiền,



Lãi lờ tẩn tới ngày một lên.  
Mẹ khỏe, em học, chị buồn bán.  
Tay không bỗng chốc dư bạc nghìn.  
Có khi thông thả thăm vườn cũ,  
Mắt trông trăm hoa chiều ủ rũ.  
Tàn tàn, nở nở, biết bao lần?  
Mưa mưa, gió gió, ai là chủ?  
Tần ngần ngẫm nghĩa cô thương tâm,  
Chứa chan hàng lệ khôn ngăn cầm,  
Thương hoa thương cả nghề buồn bán,  
Lai láng tình riêng năm lại năm.

NHƯỢNG TỔNG

X

Lời bình luận. — Bài này tả một cô con gái nhà nghèo, mẹ yếu em thơ, sự sống của gia đình, toàn trông cậy ở một tấm thân bồ liễu. Cô làm nghề trồng hoa đem bán, song gặp buổi người đời trái tính, của thật không thích mà chỉ thích của giả, hàng cô ế, hoa cô đồ xuống rãnh, nguy thay cho sự sống của gia đình cô. Cô thương hoa, cô thương nhà, cô thương thân, cô bùng mặt khóc. Cái tình cảnh một người bần nữ, thực nên thương biết đến chừng nào. Trong lúc ấy thì cô thấy hàng hoa giả, người ta bán đắt như tôm tươi; vì sự nghèo khó, sự đói rét nó khư bách cô, khiến cô không thể không chiều đời mà làm theo cái việc lòng cô không muốn. Chao ôi! cô vốn sinh nhai về nghề hoa song cô ưa thứ chân hoa, do cái tinh anh của giới đất nó kết hợp lại, sắc nước hương giới, cô vun cô bón, hoa tươi cô đem bán, vì cái sinh kế của cô đã vậy. nhưng cũng muốn để đem thứ quý phẩm của giới đất mà tri tặng mọi người thế gian. Nhưng không may, trò đời trắng đen lẫn lộn, thực đối đảo điên, hoa giả đắt hàng mà hoa thực của cô đành ế. Muốn sống cùng đời, cô không thể không trái lòng cô mà chiều đời được. Cô bỏ hoa thực làm hoa giả,



quả nhiên từ đấy cô làm nên giàu có phong lưu Than ôi ! sống ở buổi đời sinh kế khổn ách, cái nạn nghèo khổ nó đã đem chôn vùi chí hướng biết bao người ; mỗi phú quý, bả vinh hoa nó câu dử người ta, làm cho lắm kẻ thương không giữ nổi được căn tâm của mình, thật là khá tiếc. Song cô hàng hoa, cô tuy vì sự sống mà phải theo đời, phải nhảy vào chen chúc ở trong trường tranh cơm cướp áo với đời, nhưng mỗi khi qua thăm cảnh cũ, dạo gót vườn xưa, thấy trăm hoa nắng mưa dầu dãi, nở nở lán tàn, thì cô lại lai láng tình riêng, chứa chan hàng lệ ! . . .

Bài này làm theo thể thất ngôn cổ - phong, lời văn nhẹ nhàng. ý văn chua chát, khiến người đọc đến có một mối cảm ngấm ngấm mà sâu cay.

TRÚC-KHÊ



*Có nhiều ngài mua báo đã quá hạn, lâu chưa trả tiền, bản-chí thường có giấy hỏi luôn mà các ngài cũng không gửi trả; vậy bản-chí xin nhắc lại một lần nữa rằng từ nay cho đến 31 Mars 1934, nếu bản-chí chưa nhận được tiền thì bản-chí sẽ đình việc gửi báo và sẽ nhờ nhà Bưu-Điện đòi hộ, liền phí tổn về phần các ngài chịu.*

*Các ngài trả tiền báo có thể gửi bằng timbres postes cũng được.*





# HÒA LÚ KẾT NGHĨA

Lịch sử tiểu thuyết

SOẠN GIẢ : DƯƠNG-BÁ-TRẠC

(Tiếp theo)

XXXI

Anh tưởng nếu tam-đệ thật có lòng xấu như thế thì đã giết vương-tử, lấy vương - phi, mau mau về với Lê - Hoàn để cầu phú quý, quyết không việc gì phải đem cả vợ con ta đi trốn tránh khổ sở làm chi. Anh lại chắc rằng nếu tam-đệ quả thật đồi bụng làm càn thì quyết không sao mà cố kết được lòng người, mà những quân lính cũ trong làng chịu bỏ nhà bỏ làng đi theo tam-đệ lẫn vào chỗ chết như thế. Việc này nghe cũng còn phân-vân lắm, chưa dễ hẳn hoi đoán định được ra làm sao. Em tất cũng còn nhớ mấy lần Lê-Hoàn bày mưu phản gián năm xưa, nếu anh em mình cũng mắc kế nó mà tự ngờ vực nhau, tự ghen ghét nhau, tự hiềm khích nhau, thì nay đã đều thịt nát xương tan, chỉ tổ lợi cho thằng đánh cá đứng ngoài vớ được cả chai lẫn cò, làm bữa chén no say ngồi cười khúc-khích ; lần này biết đâu không thế ; em chớ vội nóng-này mà có khi lỡ việc không chơi. Anh chỉ xin em nay đã tới đây, hãy dẹp hết mọi nỗi bên lòng, phấn-chấn tinh-thần, bồi dưỡng khí-lực, cùng anh cùng lòng gom sức để



mưu tính cuộc sau này. Đinh-Điền còn đó, vợ con anh cũng còn cả đó, chắc cũng chưa chết ngay mà phải lo lắng mất công hoài : mà nghĩ cho cùng ra, kẻ đại trượng phu bốn bề là nhà, mình mà giỏi-giang hùng kiệt, thì trai lành gái tốt trong thiên hạ ai chẳng phụng-thừa trung thuận, cam tâm làm vợ làm con cho mình, cần gì con, cần gì vợ. Xưa ông Lưu-Bị nói : vợ con ví như quần áo, anh em ví như tay chân ; quần áo rách còn có thể may, chứ tay chân gãy thì làm sao nối được. Câu ấy anh cho cũng là một cái khẩu-khi anh hùng. Anh em mình trông cậy nhau còn biết bao những việc to lớn như trời, còn làm gì cái cần gởi vợ gởi con lúc đi đường mà em phải băn-khoăn bận bịu.

Nguyễn tướng-quân nghe lời khuyên giải, cũng nguôi dần cơn phẫn, tinh-thần tỉnh-táo lại, nhồm dầy lạy trước Đinh động-chùa mà rằng :

— Trăm lạy kha kha, kha-kha đã rộng lòng tha thứ cho em, ơn ấy thật em ghi tạc muôn đời không quên báo đáp, vậy em vâng lời anh dạy bảo, còn chút tinh thần khí-lực nào, xin từ nay cố công hăng hái, bòn cho hết, mà đem thân trâu ngựa đền nghì trúc mai.

Đinh động-chùa nghe nói, mừng rỡ bội thường, bèn dắt Nguyễn tướng-quân đến yết kiến Trần-minh-Công, Trần-Công vốn đã nghe danh hai người nghĩa-đệ của Đinh bộ-Linh là Nguyễn-Bặc với Đinh-Điền tài lược hơn người, dũng mưu tương-tế ; lúc Đinh động-chùa đến có một mình, đã thuật cùng Trần-minh Công biết chuyện là Đinh Điền còn ở lại thu thập quân mã trong các làng mà Nguyễn-Bặc thì hộ tống vợ con mình đi đường không may thất lạc ; khi ấy trông thấy Đinh-bộ-Linh vào có một người theo sau, mặt mày vạm-vỡ, khí-vũ hào hùng, liền hỏi rằng :

— A ! mừng Đinh tướng-quân ngày nay anh em đã



được dòng đường tự thủ; chào quý-khách, xin hỏi quý-khách là Nguyễn-Bặc hay là Đinh-Điền?

Đinh động-chúa nói:

— Thưa sứ-quân, đây là nhị-đệ tiểu-tướng tên gọi Nguyễn-Bặc, gặp ghềnh lặn đạn, trải bao phen gian hiểm vừa mới tìm tới chỗ tiểu-tướng hôm nay, xin phép sứ-quân cho được vào yết kiến.

Trần-minh-Công mừng rỡ mà rằng:

— Hay, hay quá! Tướng-quân đã có lòng hạ cố tới đây giúp giáp cùng tôi; may lại được quý-đệ quang lâm, thật là sinh sắc cho cái cõi đất tích-lậu này, nước mận đồng chua mà thành ra sáng quắc những tướng-tinh tự lại. Thưa Nguyễn tướng-quân, tôi thuở nay vẫn thường được nghe đại-danh tướng-quân sức khỏe đời non, tài cao bản cộp, thật là đường đường một vị quốc-sĩ vô song. Bây giờ tướng-quân đã vị tình tôn-huynh, tới đây cùng tôi; khóm cục có duyên, may được buộc chân loan phụng; xin tướng-quân không tiếc thao ròng lược hổ, đem hết kinh luân bảo phụ ra để cứu nước giúp đời. Tôi đã già nua gần kề miệng lỗ, việc an dân định quốc chỉ trông cậy ở các ngài tân tiến mà thôi; nếu được các ngài đồng tâm hiệp lực với tôi dựng nên nghiệp lớn, lập nên công to, thì tôi dầu nhắm mắt ở tuổi vàng cũng không chút gì di-hám.

Nguyễn tướng-quân khép nép cúi chào mà rằng:

— Thưa sứ-quân, anh em tôi chẳng may gặp cơn chuân bãi, lưu-lạc giang hồ, nhờ được sứ-quân rộng lượng thu dụng, ơn ấy sánh cùng sông bể, dám không gắng hết vi-lao khuyến mã để đáp lại cái thịnh-tình tri - kỷ của sứ-quân.

Trần-minh-Công nói:

— Tôi trước nghe tôn-huynh thuật chuyện nói lúc tôn-huynh ở sơn-động ra đây, tướng-quân họ tổng



Tôn-tâu và Tôn-diệt cùng đi, giữa đường gặp phục-binh Lê-Hoàn, chẳng may thất lạc ; vậy trong khi ấy thì tướng-quân làm sao mà thoát hiểm, thoát hiểm được rồi ẩn dấu nơi nao ; nay tướng-quân tới đây, chẳng hay Tôn-tâu và Tôn-diệt đã cùng lại đây chưa ? xin cho biết để tôi mừng với.

Đinh động - chúa liền đem hết sự tình khi Nguyễn tướng-quân ngộ hiểm và mọi nỗi lưu ly điên bái từ đấy đến nay thuật qua một lượt với Trần-minh-Công.

Trần-minh-Công vỗ tay khen ngợi và rằng :

— Thế thì giỏi thực ! một mình xông sào giữa vòng thiên binh vạn mã, mà phá được quân giặc, lẻo đẻo bên mình một người đàn bà yếu điệu, một người con trẻ yếu thơ, giữ-gìn hộ vệ được yên-ôn chu-tuyên, dũng quá Tử-Long, trung hơn Quan-Võ Người đầu lại có người lạ-lùng qui bái quá đến bậc ấy, thế mới đáng là tướng ! thế mới gọi là em. Thưa Đinh tướng-quân, tôi cũng lấy làm lạ cho tướng-quân làm thế nào mà chọn được tướng như thế, lại làm thế nào mà kết được em như thế !

Nguyễn tướng-quân nói :

— Thưa sứ-quân, người xưa đã có câu : anh tướng bại quân không nói khỏe với ai được. Chúng tôi tài hèn sức mọn, đến cái thân cũng không tự-lập nổi, phải đi ý-lại vào người, sứ-quân khen ngợi quá lời, chỉ khiến cho chúng tôi càng thêm tủi thẹn.

Trần-minh-Công nói :

— Tướng-quân đã tới đây, cũng là người một nhà cả, còn nên nói những lời khách khí như thế làm gì. Tôn-huynh ở đây với tôi, đã biết bụng nhau ; tôi gặp tướng-quân cũng coi như là tôn-huynh, tướng-quân chẳng nên nghĩ thế.

(Còn nữa)





## Giới thiệu sách, báo

Annam xuất-bản cục Hanoi vừa  
đây đã in được 3 quyển sách :

1. *Cạm bẫy người* của ông Vũ-trọng Phụng soạn ;  
trong cuốn phóng-sự tiểu-thuyết này, tác-giả đã khéo lấy  
lời văn giản dị đưa dắt ta vào trong làng cờ gian bạc lận ;  
bao nhiêu « khõe », bao nhiêu « mẹo » ông Phụng « lật  
tây » cho ta biết cả. Sách dày 156 trang -- Giá 0\$45.

2. *Anh phải sống* của ông Khái-Hưng và Nhất-Linh,  
trong in những chuyện ngắn đã đăng ở báo *Phong-  
Hóa*, rất có ý vị, nhất là câu chuyện giết chồng báo  
thù chồng của ông Nhất-Linh thì hay và thú lắm.  
Sách dày 167 trang, cũng giá 0\$45.

3. *Vàng và máu* của ông Nguyễn-thế-Lữ trong có  
bốn thiên tiểu-thuyết : vàng và máu, một đêm trắng,  
con châu chấu tre, ma xuống thang gác. Sách dày 146  
trang, cũng giá 0\$45.

Cả 3 quyển này cùng một khuôn khổ  $13 \times 20$ , nhà in  
T.B. T. V. in rất đẹp, lại có tranh vẽ của các ông Ngym,  
Trần-Bình-Lộc, Đông Sơn, Nguyễn-đỗ-Cung.

Ngoài 3 quyển sách này, chúng tôi lại tiếp được của :

1. *Ngân Sơn tùng thư* trong Huế quyển *Những nét đan  
thanh* phần trên là chép những bài thơ của Th. C. giữa  
nói về bài văn chiêu hồn của cụ Nguyễn-Du, phần  
dưới là những bài ngắn thuộc về Tết và Xuân của các  
ông Lưu trọng Lư, Hoài Thanh, Sách khổ  $13 \times 19$ , dày  
71 trang, giá bán 0\$25 do nhà in Đắc-Lập Huế in bằng  
thứ giấy tốt.

2. *Nam - Kỳ thư - quán Hanoi* quyển *Sách chơi  
Xuân năm Giáp-tuất* trong có nhiều bài vui và lý



thú, ngoài bìa nhà danh họa Lemur có vẽ kiểu áo mùa Xuân 1934 ông tự nghĩ ra. Sách khổ  $18 \times 27$ , dày 72 trang, giá bán 0\$30 do nhà in Trịnh-văn-Bích in.

Bản-chí vui lòng giới thiệu cùng các đọc-giả những quyển sách nói trên và gửi lời cảm ơn các Ngài đã gửi tặng.

\*  
\*  
\*

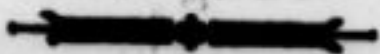
*Loa* — Ngày 8 Février 1934, báo «Loa» đã xuất-bản. Từ tuần báo này ra ngày thứ năm, do ông Phan-trần-Chúc đứng làm quản-lý. Báo viết theo thể hài hước, có nhiều tranh vẽ — Dày 16 trang, khổ  $25 \times 33$ . Giá mỗi số 5 xu. Tòa báo : số 24 bis, phố Gia-Long, Hanoi.

*Phụ nữ Tân-tiến* — Báo này đình bản từ lâu, nay lại xuất-bản, vẫn ông Hồ-phủ-Viên đứng làm sáng lập, nhưng do ông Phạm-bá-Nguyên quản-lý mọi việc, nội dung xuất sắc hơn trước nhiều. — Giá báo mỗi số 0\$10, một năm 4\$50, 6 tháng : 2\$30. 3 tháng : 1\$20. Tòa báo ở số 97, phố Gia Long, Huế.

Bản chí xin chúc hai bạn đồng-nghiep được trường thọ.



## CÙNG CÁC NGÀI CÓ CẢM TÌNH



Còn mấy thứ báo này, bản-chí cần tìm mà chưa có :

- |                              |                         |
|------------------------------|-------------------------|
| 1. — Đăng cổ tùng báo        | 2. — Đồng văn tạp chí   |
| 3. — Đồng-Dương              | 4. — Nữ giới chung      |
| 5. — Long-Giang in lần trước | 6. — Dân báo in ở Hanoi |

Trong bạn đọc-giả ai có, xin gửi cho một số bất cứ số nào chúng tôi sẽ gửi biểu báo Văn-học hay một thư sách gì.

Nếu các bạn không có mà biết ai có cũng làm ơn chỉ tìm cho bản-chí, bản-chí sẽ viết thư thẳng đến. Đa tạ.

V. H. T. C.



Dịch Hán - văn

## **QUI KHÚ' LAI TÙ'**

của CỤ ĐÔNG - HẢI DỊCH

Ông Đào - Tiềm tên chữ là Uyên - Minh, người đời nhà Tấn bên Tàu, làm quan Lệnh (quan Huyện) đất Bành-Trạch. Gặp khi quan Thái-Thủ sai quan Đốc-bưu về khám huyện, nha lại dục ông phải đội mũ thắt đai ra tiếp, ông không chịu mới than rằng: « Ngã an năng vị ngũ đầu triết yếu? » (Há vì năm đấu gạo lương mà ta phải uốn lưng ư?). Lập tức ông treo ấn ra về, bèn làm bài Qui-khú-lai này để tỏ bụng mình.

X

Thôi về, ta phải về đi,  
Ruộng vườn hoang hết, còn chi chả về  
Trên sân khấu vai hề tưởng trót,  
Còn đem lòng chua sót nỗi chi.  
Thôi thôi, việc trước nói gì?  
Sau này nghĩ lại có khi cũng vừa.  
May đi lạc, cũng chưa xa lối,  
Ngắm ngày nay mà hồi ngày xưa.  
Xuống thuyền thuận nẻo buồm đưa.  
Hiu hiu gió thổi, phất phơ áo giải.  
Bước lên bộ, tìm người thăm hỏi,  
Sợ còn đem, tỏ lỗi chín khôn  
Gần nhà bụng hả chân dồn,  
Hầu giai ra đón trẻ con đứng chờ.  
Mừng thông, chúc còn chơ vườn cũ,  
Ấm con vào vui hũ rượu đầy.  
Một mình ngắt ngưỡng chén say;  
Thung dung ngồi ngắm khóm cây trước nhà.  
Dưới cửa sổ, mặc ta ngạo nghễ,  
Được yên thân nhà bè cũng song.  
Quanh vườn hôm sớm vui lòng,  
Cổng ngoài thường đóng then trong thường cài



Cũng có lúc, dong giải khắp chỗ,  
 Gậy cầm tay, ngهن cồ trông chừng :  
 Máy kia đầy núi bỗng dưng.  
 Chim kia biết mỗi mà dừg cánh bay.  
 Mảng vui thú, quên ngày sắp tối.  
 Còn thần thơ, lủi thủi dưới cây.  
 Thôi về, ta phải về ngay,  
 Chơi bời bè bạn, từ rầy xin thôi.  
 Đã không hợp với đời thì chớ,  
 Còn cầu gì, cho dở đang ra.  
 Riêng tình thân thích trong nhà,  
 Túi đàn cặp sách ấy là cảnh vui.  
 Tưởng gặp lúc, nhàn rồi năm mới,  
 Kể nông phu dục tới mùa cày;  
 Thuyền, xe sắp sửa đi ngay.  
 Qua đây là bến, bên đây là gò.  
 Cây hớn hở, sắp phỏ ngành tốt,  
 Sưởi lì rì, sắp vọt nguồn xa:  
 Vật kia đưa về xuân hòa,  
 Mà ta nghĩ đến cảnh ta thế nào?  
 Thôi trần thế, được bao ngày tháng?  
 Ở hay đi, coi thoáng như không!  
 Đi đâu cho bận bên lòng,  
 Mùi đời đã nhạt, non bỗng thì xa.  
 Gặp ngày tốt, mình ta chơi dạo.  
 Bừa cầm tay, ta sáo cỏ lan,  
 Tiếng reo khi vầng trên ngàn,  
 Lòng thơ có lúc chứa chan giữa dòng.  
 Thân này phó mặc hóa - công,  
 Mệnh giới đã định; bận lòng nghĩ chi.

PHẠM QUẢNG-THỤ sao lục

Vì kỳ này nhiều bài nên Bài Tự Tình của ông  
 Cao-bá-Nhạ đề đến kỳ sau mới đăng tiếp.



# *tin tức* ◦ **TRONG LÀNG VĂN** ◦

## **CHUNG QUANH PHẦN THƯỞNG GONCOURT 1932**

Trong một số báo trước, chúng tôi đã có nói rằng phần thưởng Goncourt năm 1933 đã về tay ông ANDRÉ MALRAUX. Mới đây được xem một tờ báo nói đến vụ kiện về phần thưởng này năm 1932, tưởng nên thuật ra để công đồng lãm :

Nhân dịp Hàn-lâm viện phát phần thưởng văn chương năm 1932, ông Ivan Sicard viết bài công kích Hàn-lâm viện ấy sao không biết lựa quyền sách nào xứng đáng mà thưởng như một cuốn sách nọ



cho là đáng được thưởng lại không trúng thưởng

Ông Rosny là hội-trưởng Hàn-lâm viện ấy cho bài công kích của Ivan Sicard có phạm đến danh-dự của Hàn-lâm viện bèn đầu đơn kiện Ivan Sicard.

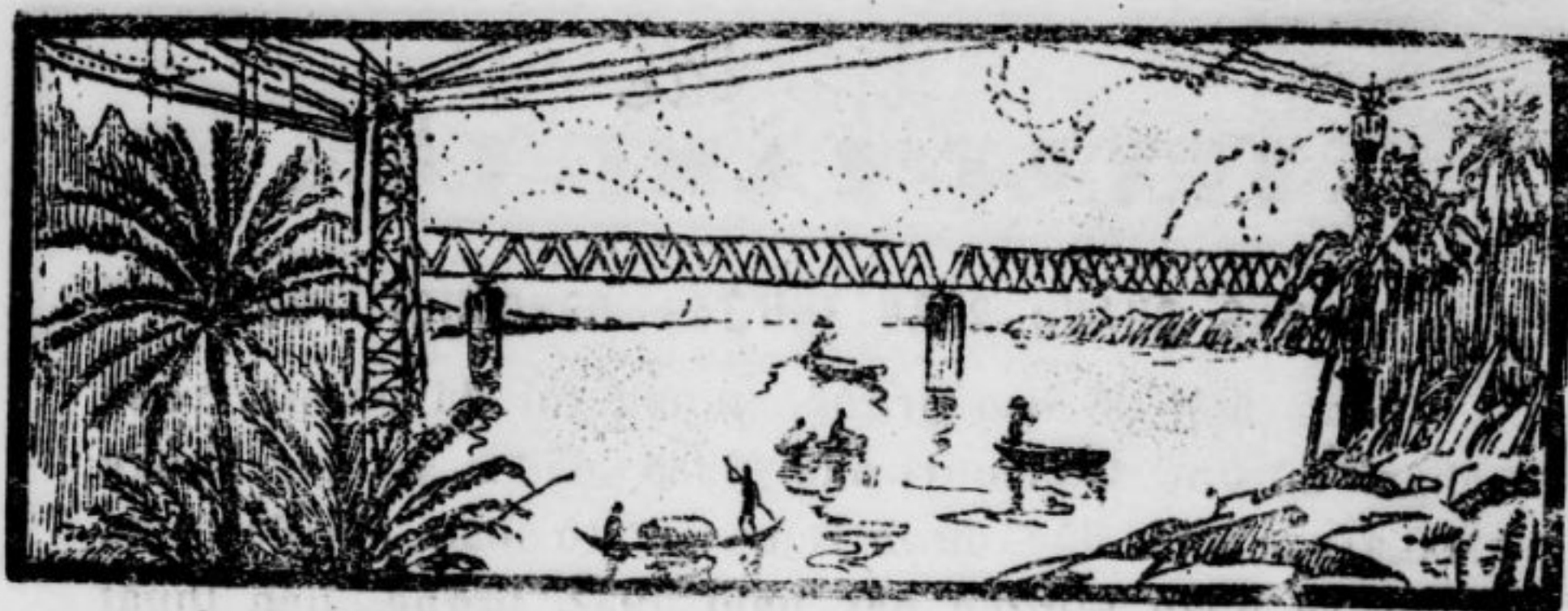
(Cliché Annam Nouveau)

### **Ảnh ông André Malraux**

Vụ kiện này đã đem ra xử mấy lần rồi, nhưng lần xử vừa rồi mới thấy kết liễu. Tòa phạt ông Sicard phải 200 quan tiền vạ và bồi thường thiệt hại cho ông hội-trưởng Hàn-lâm-viện Goncourt ba vạn quan.

Nếu ở xứ ta có Hàn-lâm-viện mà có phát phần thưởng như vậy, chắc thế nào cũng xảy ra vụ kiện như trên đây chứ chẳng không.





## TIN TỨC THẾ GIỚI VÀ VIỆC TRONG NƯỚC

---

### *Tình hình chính trị nước Pháp*

Từ khi phát sinh ra cái án lửa đảo ở Bayonne, tình hình chính trị nước Pháp rất là bối rối. Sau khi nội - các Chautemps đổ, ông Daladier lên tổ chức tòa nội-các mới, song, như kỳ báo trước chúng tôi đã nói, nội - các Daladier thật không có cái thể vững vàng. Quả nhiên đến khi nội-các tuyên bố chính kiến của mình, và ra trình diện ở nghị viện, thì bị nhiều người phản đối rất giữ. Ngày mồng 6 tháng 2 thật là một ngày đại náo động ở Paris : số người biểu tình kẻ hàng mấy nghìn xung đột với lính cảnh sát, rồi diễn thành một cuộc lưu huyết, bên lính và bên dân đều có người chết, số bị thương có hàng mấy trăm. Ông Daladier thấy vậy bèn phải thoái bộ, đưa đơn đến quan Tổng thống xin từ chức. Nội các Daladier đổ, quan Tổng-thống Lebrun bèn vời đến một nhà danh vọng là quan nguyên Tổng-thống Doumergue ra tổ chức tòa nội-các mới để điều hòa sự phân tranh của các đảng phái và cứu cái thời cục rối ren của nước. Ông Doumergue nhận lời, và ngày mồng 9 đã tổ chức thành một tòa nội-các liên hiệp, gồm có 20 vị Tổng trưởng, không có các viên thứ-trưởng nữa. Những nhân viên trong nội các-mới như sau này :



Tổng-lý nội-các (không kiêm bộ nào) : M. DOUMERGUE

|                 |                             |
|-----------------|-----------------------------|
| Quốc vụ khanh : | M. TARDIEU và<br>M. HERRIOT |
| Ngoại giao :    | M. BARTHOU                  |
| Tư pháp :       | M. CHÉRON                   |
| Chiến tranh :   | Thống chế PÉTAİN            |
| Hải quân :      | M. PIÉTRI                   |
| Không quân :    | Nguyên soái DEMAİN ?        |
| Tài chính :     | M. GERMAIN-MARTIN           |
| Nội vụ :        | M. ALBERT SARRAUT           |
| Thuộc địa :     | M. PIERRE LAVAL             |

(Còn các bộ khác xin lược).

Nội các Doumergue thành lập vào ngày mồng 9 song đến mồng 9 rạng mồng 10. lại có những cuộc biểu tình lớn của đảng Xã-hội và cộng-sản gây nên, chẳng những ở Ba-lê mà thôi, mà ở các tỉnh khác cũng có, chủ đích của họ là phản đối cái chính sách thiên về độc tài. Cuộc biểu tình đêm ấy kết quả cũng đến lưu huyết, bên lính bên dân đều có người chết cả. Rồi đó Lao-động tổng-cục lại hạ lệnh cho toàn thể lao động giới đình công 24 giờ vào ngày 12. Đến ngày ấy suốt các kỹ nghệ đều đình công, các trường học đều nghỉ dạy, một phần những người tổng sự các sở công cũng nghỉ việc, các báo đều đình bản, duy có một tờ báo Action Française là xuất bản. Thế nhưng đến ngày 15, nội-các xuất tịch ở nghị viện thì đã được đa số tán thành, vả vì cái danh vọng của ông Doumergue đủ cho người ta tin nên các tình hình rối ren cũng dần khoan giãn. Hiện nay nội-các đã có thể đứng được, và tình hình chính trị đã hơi khá hơn. Tuy nhiên, đó là vì nội-các còn xin hoãn các cuộc chất vấn và cũng chưa rõ đến cái mối khó khăn là vấn đề tài chính. Bao giờ đi qua những cửa ải ấy thì đứng hay đổ mới biết rõ được.

..



### *Vua Bỉ tạ thế*

Vua Albert 1er nước Bỉ, hôm 18 tháng hai đi chơi núi ở vùng Marchès des Dames, chẳng may ngã xuống khe núi vỡ sọ mà chết. Vua là người có công to chống nhau với Đức trong hồi Âu-châu đại chiến, vì vậy cái tin vua bị nạn chết, làm cho các nước về phe hiệp-ước đều phải thương cảm, nhất là nước Pháp thì coi như một cái quốc tang, quan thủ-tướng Doumergue thân sang thăm, và bữa cất đám thì quan Tổng-thống Lebrun lại thân sang đưa đám. Nhiều nước khác có phái đại-biêu đến dự tang lễ.

### *Việc nội loạn ở nước Áo*

Từ ngày 12 đến 16 tháng hai, trong nước Áo có xảy ra nhiều cuộc biến loạn cộng sản, số người chết rất nhiều. Sau khi Chánh-phủ được yên, điều tra ra thì bên Chính-phủ chết mất 144 người, bị thương 444 người, bên cộng sản chết mất 137 người, bị thương mất 339 người.

## **Việc trong nước**

### *Chín tuổi cũng được đi thi Sơ-Học Yếu-Lược*

Năm trước muốn thi Sơ-học Yếu-lược, phải đủ 10 tuổi. Nhưng cũng có nhiều người chưa đến tuổi, muốn đi thi có thể xin rút cái hạn tuổi được.

Muốn tránh những sự phiền phức phải xin rút hạn tuổi, năm nay quaa trên cho các thí sinh 9 tuổi cũng được đi thi, mà từ nay không ai được xin rút tuổi nữa.

### *Chính-phủ đã cử quan Toàn-Quyền mới*

Từ ngày quan Toàn quyền Pasquier bị nạn tạ thế, đến nay đã hơn tháng giới, vì gặp lúc chính-trị rối bét, nội-các đồ luôn, nên mãi cuối tháng Février 1934, nước Pháp



mới nghĩ đến việc cử người thay Ngài. Theo tin Arip thì trong buổi hội-đồng các quan Tổng-trưởng họp ngày 26 Février 1934, ông Pierre Laval, Tổng-trưởng bộ Thuộc địa, có trình quan Thống lĩnh Lebrun một bản sắc lệnh bổ ông René Robin sung chức Toàn quyền Đông-Dương thay ông Pierre Pasquier tại thế.



Cliché Trung Bắc Tân-Văn

**Chân-dung quan Toàn-quyền René Robin**

Ông Robin sinh ngày 6 Août 1872 tại La Trémouille (Vienne). Trước ông theo học trường Trung-học Poitiers và sau khi ông đỗ Luật-khoa tiến-sĩ, ông xin vào ngạch cai-trị Đông-Dương (10 Mars 1900) Ông tòng sự ở Cao-Miên rồi ra Bắc-kỳ, ông coi phòng quan-lại ở phủ Thống-sứ. Sau ông được bổ sung chức chánh văn phòng quan Toàn-quyền Klobukowski.



Ở đây ít lâu, ông được bổ Công-sứ tỉnh Tân-An. Sau 6 năm sung chức tham nghị tòa án cai trị, ông được cử làm chánh các việc hành chính ở phủ Toàn-quyền.

Đến năm 1921, ông được thăng Thống-sứ (1er mars) và sung chức phó Toàn-quyền (từ 1921 đến 1925), rồi lĩnh chức Thủ hiến Bắc-kỳ.

Bộ Dân luật Bắc-kỳ có là nhờ ông Robin và cũng nhờ ông mà đề điều được vững bền và dân Đông-Dương tránh được nạn ngập lụt.

Năm 1928 và 1930 ông René Robin được quyền chức Toàn-quyền Đông-Dương. Đến năm 1931 ông rời xứ này, được ít lâu, ông về hưu. Ông được thưởng thụ đệ tam đẳng bắc đầu bội tinh.



## HỘ P T H U

Ông Trương bửu Tân Tân An — Số tiền 2\$00 ngài gửi ra trả về hạn báo trước chúng tôi đã nhận được. Vậy còn hạn báo sau từ số 20 (tức là 1-7-33 trở đi). Ngài chưa trả Hạn này có 3p. thôi, xin gửi ra trả nốt cho. Cảm ơn

Ông Đinh Quế Thanh Lạng. — Đã tiếp được 0p.60 tem của ông. Đa tạ. Nếu ông muốn xem nữa, xin cho biết để tôi cho gửi vô.

Ông Tuyên, Phát Diệm. — Sách « tình nhâm » của ông xin đừng gửi lên. Số báo ngày 1-2-34 có gửi, không biết sao lại lạc.

Kỳ sau Văn-học tạp-chí đổi khác hẳn, vừa về tinh thần, vừa về hình thức, mục - đích để được phổ thông khắp trong nước và để ứng dụng vào buổi đời mới này. Các bạn hãy chờ xem sẽ rõ. Nếu Văn học phải nghỉ ít lâu để chấn chỉnh lại thì xin các đọc - giả cũng lượng thứ cho



# h<sup>o</sup>tel

## TAM-KY

### KHÁCH LẦU

Nº 7 À ' 27 BOULEVARD GALLIÉNI

Nº 67 À 69 COLONEL GRIMAUD

Nº 165 À 171 & 178 À 182 RUE

— BOURDAIS SAIGON —

GIÁ HẠ MÁT MỀ, VÀ SẠCH SẼ



Chủ nhơn : HUYNH-HUỆ KỶ



## SAO-MAI

### MỚI RA ĐỜI

là tờ tuần - báo ra ngày thứ sáu  
do ông Trần Bá - Vinh làm  
Chủ - nhiệm kiêm chủ - bút

GIÁ BÁO :

1 năm 2\$00

6 tháng 2\$00

3 tháng 0\$70

mỗi số 004

TÒA BÁO :

113. Phố Maréchal Foch, 113

VINH (Annam)

Một quyển sách ai cũng cần đọc

ấy là cuốn **NAM NỮ TU TRI**

Bán ở Đông Tây ấn quán — Hanoi

Giá bán 0\$23 — Cước thường 0\$03

Hỏi tại VĂN - HỌC TẬP - CHÍ  
và những đại-lý VĂN - HỌC :

## Tập Văn Xuân

### năm Giáp - Tuất

(có bài giấu triện đỏ)

c ủa

VỊ GIANG VĂN-KHỐ



Có nhiều bài giá trị của  
những ông :

ĐÔNG-HỒ, NGUYỄN-XUÂN-HUY,  
NGUYỄN-XUÂN-KỶ, PHẠM-THANH-  
TÙNG, PHÙNG - TẮT - ĐẮC, LÊ-  
TRÀNG-KIỀU, ĐỖ - HUY - NHIỆM,  
PHẠM - QUẢNG - THỤ, vân vân.

Giá mỗi quyển : 0\$25



— Tt này chơi gì nhấ nhất ?  
— Đánh cờ nhấ nhất.  
— Phải, vừa nhấ lại vừa mở  
mạng được trí khôn và óc  
suy xét nữa.

— Thế thì nên mua quyển  
**SÁCH DẠY ĐÁNH CỜ**

của M. ĐỖ-TRÀNG SẢN soạn

Tôi tuy đã biết đánh nhưng  
vừa rồi cũng đã gửi mua  
một quyển vì tôi muốn cao  
cờ hơn. Quyển ấy tốt lắm.

Dạy đủ cách :

ra quân cho được thạo  
dàn quân cho khỏi bí  
di lăm nước rất bí hiểm  
khép vào nhiều trận hay vô cùng.

Giá bán 0\$20 Cước 0\$06 Mua  
một quyển gửi bằng timbres postes  
cũng được cho Đông-Tây ấn quán  
193, phố hàng Bông Hanoi



Các



R

Ai muốn đồ bằng Certificat d'études primaires  
franco-indigènes thì nhớ mua cuốn:

E

# RECUEIL DE DICTÉES

D

E

C

của ông DƯƠNG - QUẢNG - HÀM

D

U

Giáo - Sư tại trường Bảo - Hộ Hanoi

I

Phần trên dạy về analyse grammaticale và logique,  
phần dưới là chép những bài dictées đã dùng làm  
đầu bài thi, bao nhiêu câu hỏi, đều có trả lời phân  
minh lại có những điều giảng giải cặn kẽ nữa.

C

E

**RẤT TỐT!! RẤT TỐT!!**

T

I

Chả thế mà đã in tới lần thứ hai rồi.

É

L

Sách dày 170 trang — Giá bán 0\$45 — Cước đảm bảo 0\$16

E

Mua một quyền gửi bằng timbres-postes cũng được cho

S

■ ĐÔNG-TÂY ẤN QUÁN 193, PHỐ HÀNG BÔNG — HANOI ■

MỘT QUYỀN SÁCH NHÀ NÀO CŨNG CẦN PHẢI CÓ

## 要簡禮家

## GIA LỄ GIẢN YẾU

Cử - nhân DƯƠNG - BÁ - TRẠC soạn

Có cả « Các bài văn khẩn » và « Khoản thức biên gia-phả »

Lại có in sẵn nhiều trang đề người nào có quyền này  
chỉ việc điền gia - phả của nhà mình vào

**RẤT TIỆN LỢI ! RẤT RẺ !**

vì dày gần 60 trang mà bán có 0\$15 thôi. cước thường 0\$03

Mua 1 quyền gửi bằng timbres postes cũng được:

Đề cho : Đông-Tây ấn-quán 193, Phố hàng Bông — Hanoi

Un ouvrage à lire

## EURYDICE

1er prix de l'Indochine

PAR NGUYỄN - TIẾN - LÃNG

avec traduction en annamite intitulé

TÌNH - XUA

Envoyez à l'imprimerie Đông-tây, 193, Rue du Coton, Hanoi. 0\$3! en timbres postes  
(prix du livre : 0\$25 et 0\$6 de port) et vous recevrez de suite le volume.

Imprimerie Đông-Tây — Hanoi

Le Gérant : DƯƠNG-TU QUÁN